

## THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

### QUYỂN 3

Kiến Văn hoàng đế hứ là Duẩn Văn, cháu đích tôn của Thái Tổ, con của Thái tử Ý Văn. Ngày Kỷ Mão, tháng mười một năm Hồng Võ thứ mười, kế phi của Ý Văn là Lã Thị sinh Hoàng Thái Tôn. Mười năm sau Ý Văn qua đời, bấy giờ Thái Tổ đã sáu mươi lăm tuổi. Ngày Canh Dần tháng chín năm ấy được lập làm Hoàng Thái Tôn, đến khi Thái Tổ băng hà thì kế vị. Năm ông hai mươi hai tuổi, binh Tĩn Nạn vào đến Kim Xuyên Môn, ông bỏ ngôi vị lẩn trốn, tại vị được bốn năm.

Tháng giêng năm Kỷ Mão, niên hiệu Kiến Văn Nguyên Niên, tế lễ trời đất ở Nam giao, tế xong Đế trở về điện Phụng Thiên, để nhận quần thần đến tung hô chúc mừng. Phương Hiếu Nhụ dâng Giao Tự Tụng, Đế nhận lãnh. Đế sai sứ cáo thần linh trong thiên hạ về việc lên ngôi của mình. Ban chiếu tôn Hoàng Khảo Ý Văn Thái tử làm Hưng Tông Hiếu Khang Hoàng Đế, phong cho em là Duẩn Thông làm Ngô Vương, Duẩn Kiên làm Hành Vương, Duẩn Hy làm Từ Vương, đồng thời lập Văn Khuê làm Hoàng Thái tử.

Chiếu khai Sử quán biên tu bộ Thái Tổ Cao Hoàng Đế Thập Lục. Ban chiếu ưu đãi người hiền, dưỡng dục người già cả, khai khẩn ruộng nương, chấn hưng việc học, khảo xét quan lại, khen thưởng người có hiếu, cứu giúp kẻ nghèo cùng, nhật chôn hài cốt, chuộc con trẻ, giảm thuế má. Trác Kính nói rằng: “Phàm mới hiện điềm mà chưa phát động tức đợi cơ, lượng thời mà làm tức đợi thế. Thế chưa thật mạnh thì chớ nên động, cơ chưa thật rõ thì chớ nên xét”.

Tháng ba động đất ở Kinh đô, Đế cầu lời nói thẳng. Triệu Giải Thân làm Hàn Lâm Thị Chiếu. Tháng sáu binh Tĩn Nạn khởi, dùng Khâu Phước, Trương Ngọc, Chu Năng làm Đô chỉ huy lấy danh nghĩa là trị Tề Thái Hoàng tử Trừng.

Yên Vương triệu Tăng Đạo Diễn... đến cùng mưu nghị, bỗng nhiên gió thổi, ngói trên mái nhà rơi xuống đất vỡ nát, Yên Vương cho là điềm chẳng lành, sắc mặt chẳng vui. Đạo Diễn liền nói: “Đây là điềm

lành vậy!” Yên Vương dối mắng rằng: “Sao ông lại vọng ngôn, đây đâu thể gọi là điềm lành?” Đạo Diễn nói rằng: “Ý trời muốn điện hạ thay ngôi vàng đó!” Bấy giờ Yên Vương mới vui mừng. Ngày hôm ấy đã định mưu xong.

Tăng Đạo Diễn người ở Trường châu, Tô châu tên Dao Quảng Hiếu. Đầu tiên lễ một vị Tăng ở am Diệu Trí là Tướng Thành cầu xuất gia, được ban pháp danh là Đạo Diễn, tự Tư Đạo. Bấy giờ ở Linh Ứng quán tại Tương thành có Đạo sĩ Vi Ứng Châu đọc sách, học đạo pháp và gồm thông binh cơ, Đạo Diễn bèn đến học và đã thấu đạt hết học thuật của Đạo sĩ ấy, nhưng đều dấu kín trong lòng thì chẳng ai biết. Sau đó Sư đến Kinh Khẩu làm một bài thơ tựa đề là: “Phú lâm cổ thi”:

*Vọng lâu máu chiến đã phai  
Mà xem cảnh sắc nửa bày hoang sơ  
Ngũ châu mây phủ núi mờ  
Ngàn năm lâu vắng lặng lờ đêm trăng.  
Thiệt Thy thông đến Trường giang  
Đồng hoang có lối thẳng sang Kim đàn  
Tiêu Lương sự nghiệp đã tàn  
Xanh xanh Bắc Cối mắt càng dôi trông.*

Sư Tông Lặc thấy Sư ngồi rung đùi ngâm nga, bèn cười nói rằng: “Đây há là lời Thích tử sao? Đây Tư Đạo! Tư Đạo! Ông bạc với Nam triều lắm!” Tông Lặc lại cử Đạo Diễn đến Yên, trụ trì chùa Khánh Thọ ở Bắc Bình, đồng thời tiến cử Đạo Diễn với các nhân tài văn võ. Yên Vương triệu kiến và hỏi rằng: “Ông biết bói toán chăng?” Đạo Diễn với âm giọng xứ ngô liền đáp: “Biết, Biết!” rồi mở vạt áo lấy năm văn tiền đưa vương xem xong, chú nguyện, ném xuống đất, liếc mắt hỏi vương rằng: “Điện hạ không muốn làm hoàng đế ư?” Vương quát rằng: “Hòa thượng chớ nói xàm!”

Hôm khác vương nói thật, Đạo Diễn luận bàn rất hợp ý. Do đó Sư lại tiến cử một nhà tướng thuật tên là Vi Cũng để quyết định. Bởi Đạo Diễn từng đến chùa Tùng Sơn gặp Cũng, Cũng xem tướng rồi nói: “Há một Hòa thượng vô sự mà như thế ư? Mắt có ba góc, dài mà trắng dã, hình như cọp bệnh, ắt có tánh hiếu sát, ngày sau ắt giống Lưu Bình Trung.” Đạo Diễn bèn cười lớn. Nhân đó mà rất tự phụ. Vương cũng nghe danh tiếng của Cũng, nên sai quân đến triệu kiến. Đến Yên Kinh, sứ giả mời vào quán uống rượu, lúc ấy vương đang mặc thường phục lẫn lộn trong đám vệ sĩ cũng vào quán rượu. Cũng vừa thấy liền đến lễ bái vương, đồng thời chiếm một quả là ngày sau vương sẽ làm Thái Bình

thiên tử. Vương rất vui, tạm lưu Cũng tại Tăng xá của Đạo Diễn. Về sau người đời lưu truyền hai câu:

*Chùa Tung sơn chỉ ra tể tướng.*

*Quán rượu Trường an biết đế vương.*

Chính là việc này.

Bấy giờ Vương cùng với Đạo Diễn nói chuyện, Diễn thường có những lời kỳ bí, nên Vương càng kính trọng hơn. Có lúc Đạo Diễn ở trước Vương lắm xưng những từ như: Nhĩ, Nhữ (ông, mà), nhưng Vương đều bỏ qua chẳng trách. Mưu kế Tĩnh Nạn thật là do Đạo Diễn sắp bày. Yên Vương mật nói với Đạo Diễn rằng: “Lấy nhân tâm làm chính!” Diễn đáp: “Trời tạo ra, đâu có luận đến lòng dân?” Từ đó Vương lấy Đạo Diễn làm quân sư.

Vùng Giang Bắc sinh sản nhiều sâu phá hoại lúa, quan địa phương tấu xin bắt. Đế nói rằng: “Vì Trẫm không có đức, nên mới có sâu, nay lại giết sâu thì lỗi của Trẫm càng nặng, thần dân đều nói Trẫm mất đức, nay phải cải hối, ân xá những nghi tội, tha kẻ trốn thuế, cứu giúp người nghèo cùng để tu sửa chánh trị; như thế thì sâu chẳng phải là tai họa, mà giúp được mùa”.

Tháng tám tế cáo trời đất Tổ Tông, báo xuất chinh. Răn các tướng sĩ Bắc Chinh rằng: “Ngày xưa Tiêu Dịch đem binh về Kinh, hạ lệnh rằng: Trong một nhà mà tự xuất uy binh là quá bất nhân”. Nay cũng thế, khi tướng sĩ đối địch với Yên Vương, mong hiểu được ý này, đừng để cho Trẫm mang danh giết chú!”

Lúc đầu Trình Tế nghị đàm với binh phương Bắc, vì vọng ngôn nên bị hạ ngục, sau được tha, cất lên làm Hàn Lâm, sung làm quân sư giúp đỡ cuộc Bắc Chinh. Tặng Vương Hy là Hàn lâm học sĩ, thụy Văn Tiết.

Tháng tám năm Canh Thìn niên hiệu Kiến Văn thứ hai, thay đổi gọi Thừa Thiên Môn là Cao Môn, Đoan Môn là Ứng Môn, Ngọ Môn là Đoan Môn, Điện Cẩm Thân là điện Chánh Tâm. Ban chiếu chọn người thông văn học, lấy xử sĩ Đường Ngụ làm học sĩ.

Năm Tân Tỵ, niên hiệu Kiến Văn thứ ba, binh Yên bị bại ở Đông Xương. Lúc Tĩnh Nạn mới khởi, Đạo Diễn nói rằng: “Quân lên đường ắt là thành, nhưng phải mất hai ngày”. Đến đây mới biết, lúc trước đã nói hai ngày là chữ Xương. Bắt đầu từ đây, Yên quân luôn luôn thắng trận.

Tháng hai, Văn Hoàng đế, khiến chư Tăng lập hội Tế độ tướng sĩ trận vong như Trương ngọc..., Đế tự soạn văn tế.

Tháng ba Đế hạ chiếu đuổi Tề Thái Hoàng tử Trường ra ngoài thành, vì tội không làm tròn trách nhiệm giao phó, tịch biên gia sản để tạ lỗi với Yên Vương.

Ngày mười ba tháng sáu năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Kiến Văn thứ tư Đế phóng hỏa đốt cung, thay đổi y phục trốn đi. Người ở Kinh Thành truyền rằng Đế đã băng hà. Yên Vương án binh và vào thành, quan dân đều kính ngưỡng khuyên lên ngôi, Vương chấp thuận, sai người thông báo khắp thiên hạ.

Khi trước Thái Tổ dự tri Đế chẳng ở ngôi trọn vẹn, nên khi bệnh nguy cấp, đã trao cho một cái hộp nhỏ, niêm phong và khóa kỹ, dặn rằng đến lúc nguy cấp mới được mở ra xem. Đến bấy giờ gặp khi quần bách vô kế khả thi, Đế liền mở hộp ra, thấy một độ điệp là Dương Ứng Năng và các dụng cụ thể phát. Đế liền cạo tóc, đắp ca sa, cầm độ điệp, theo con lạch ra đến Giao đàn mà đi mất. Bấy giờ trong cung lửa cháy, mọi người đều cho là Đế đã tự thiêu, lúc sắp lưu vong có hỏi Trình Tế, Tế nói: "... lập tức triệu một vị Tăng vào cạo tóc, rồi cùng Đế lưu vong, gặp hiểm nạn gì đều dùng thuật mà thoát khỏi. Vài mươi năm sau, theo Đế đến Nam kinh, nhưng không biết mất ở đâu. Bình sinh từng cùng với người đồng hương là Cao Tường Soạn Minh Kinh. Cao Tường chuộng danh tiết, Trình Tế thích thuật số. Tường nói: "Nguyên làm trung thần!" Tế nói: "Nguyên là trí sĩ!". Về sau Cao Tường bị nạn chết thọ chín mươi tuổi. Bình sinh Đế rất hiền từ, thông tuệ, thích thi văn, sách cổ, lễ nhạc, văn chương. Tánh chí hiếu, khác người. Lúc Ý Văn mới bị bệnh ung thư, Đế còn nhỏ nuốt lệ an ủi, ngày đêm chẳng lìa, tự thân hô hấp cho cha. Đến khi Ý Văn qua đời, Đế than khóc, buồn nhớ, năm ngày chẳng uống một giọt nước.

Thái Tổ Trị Chánh rất nghiêm khắc, còn Đế thì khoan dung, độ lượng cứu giúp, trong ngoài đều yêu mến. Trong năm Kiến Văn có một Đạo sĩ có hát một bài rằng: "Chớ đuổi Yến (Yên), đuổi Yến thì Yến bay ngày càng cao, bay cao đến kinh kỳ của Thượng đế", hát xong bỗng nhiên biến mất, mọi người không ai biết, đến hôm nay mới ứng nghiệm về lời nói ấy.

Dùng lễ Thiên tử để phát tang Kiến Văn, sai quan tế lễ, miễn triều ba ngày. Phương Hiếu Nhụ mặc áo tang ngày đêm than khóc, Tân Đế triệu kiến nói rằng: "Việc trong nhà của ta, vì sao Tiên sinh tự làm khổ thế?" rồi giao giấy bút sai soạn chiếu chỉ, Hiếu Nhụ viết mấy chữ rồi ném bút xuống đất nói rằng: "Chết thì chết chứ không thể thảo chiếu chỉ!" Trước kia Đạo Diễn có gởi gắm cho Yên Vương rằng: "Nam

Triều có Phương Hiếu Nhụ, là người có học, hạnh; ngày thành công, ắt ông ấy không theo, xin chớ giết, nếu giết thì người hiếu học trong thiên hạ sẽ hết!”

Tháng mười phong cho Đạo Diễn làm Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế - các quan tử tiết trong cuộc Tĩnh Nạn, những người được biết rõ ràng, đời sau khen táng danh của họ là: “Cách Trừ Di Sự”. Đầu tiên là những quan bị họa và tử trận gồm mười chín người, nghe có biến tự vận là mười lăm người, ở tại triều bị họa là hai mươi ba người, bên ngoài bị họa là hai mươi người, Sĩ thần trong triều ngoài triều là một trăm chín mươi tám người, chẳng tránh kịp bị nạn là sáu người, bị đuổi mà chết là sáu người, bị lợi dụng mà chết là hai mươi hai người.

Thái Tông Văn Hoàng Đế.

Đế là con thứ tư của Cao Hoàng đế, được phong làm Yên Vương, sau hạn Tê, Hoàng làm loạn diếu chương, khởi binh Tĩnh Nạn về kinh, tại vị hai mươi hai năm, ngày mười tám tháng bảy năm Canh Tý thì băng hà, thọ sáu mươi lăm tuổi, hiệu là: Thế Thiên Hoàng Đạo Cao Minh Quảng Vận Lý Võ Thần Công Thuần Nhân Chí Hiếu Văn Hoàng Đế, miếu hiệu Thái Tông, đến năm Gia Tĩnh đổi hiệu là Thành Tổ, táng ở Trường lăng. Tháng hai năm Quý Mùi, niên hiệu Vĩnh Lạc Nguyên Niên ban chiếu dùng Bắc Bình làm Bắc kinh, đổi là phủ Thuận Thiên. Biên tập Hoàn Thành Thái Tổ Cao Hoàng Đế Thật Lục gồm một trăm tám mươi ba quyển.

Phật Thuyết Hy Hữu Đại Công Đức Kinh: Đêm mồng tám tháng giêng Hoàng hậu Nhân Hiếu nằm mộng cảm được Phật thuyết kinh này. Duyên khởi có ghi trong lời tựa. Nhân Tông và Hán Vương, Triệu Vương đều có lời Bạt vào tháng mười một niên hiệu Vĩnh Lạc thứ năm.

Ngày hai mươi chín tháng chín, Qua Bản Ty là Tả Thiện Thế Đạo Diễn cùng với Công Bộ Thị Lang Kim Trung, chỉ Huy Cẩm Y Vệ Triệu Hy, đồng tại Võ Anh Diệu tấu rằng: Tạng kinh bản ở chùa Thiên Hy có người đến ấn chứng, nếu hợp thì không cần người ấy xuất tiền cúng dường. Tuân phụng thánh chỉ hỏi người ấy lấy bao nhiêu bản. Khâm thử!

Tháng bốn năm Giáp Thân, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ hai, Đế lập Cao Xí làm Hoàng thái tử, quận vương Cao Hú làm Hán Vương, Cao Toại làm Triệu Vương. Thăng Tả Thiện Thế Đạo Diễn làm Thái tử Thiếu Sư, lấy lại họ Dao và đặt tên là Quảng Hiếu. Từ đó Đế gọi Đạo Diễn là DaoThiếu Sư mà chẳng gọi tên chính. Tuy thế suốt đời Sư vẫn không để tóc, lấy vợ, sinh hoạt đều ở chùa Tăng. Đế từng ban cho hai

cung nữ nhưng ông không gần gũi, Đế phải triệu trở về.

Đạo Dư Lục.

Thiếu Sư có biệt hiệu là Triệu Hư Tử, soạn bộ Đạo Dư Lục, bài tựa ghi: Ta trước kia, khi làm Tăng, gặp binh loạn vào cuối đời Nguyên, gần ba mươi năm theo ngài Ngu Am và Hòa thượng ở Kính sơn tu tập thiền pháp. Những lúc rảnh rỗi ta xem đọc thêm nội ngoại điển để tăng thêm kiến thức. Nhân đó có xem những bộ sách của hai vị tiên sinh họ Trình ở Hà Nam để lại và Ngũ lục của Hối Am tiên sinh ở Tân An. Ba vị này đều sinh vào đời Triệu Tống, truyền sở học của Thánh nhân mà ngàn năm chưa được truyền, nên có thể cho là anh kiệt của thế gian, là bậc chân Nho của đời. Ba vị tiên sinh này nhân giúp Danh giáo mà lại bài xích Phật, Lão làm chính. Thái sử Công nói rằng: “Ở đời mà học Lão Tử thì chê Nho Học, học Nho thì chê Lão Tử. Vì đạo chẳng đồng nên chẳng cùng nhau toan tính. Xưa nay đều như thế, đâu lấy gì làm lạ?” Ba vị tiên sinh đã là Tông chủ của Văn này, là mô phạm cho hậu học, tuy nói bài xích Phật lão, ắt phải có lý làm chứng cứ. Chí công vô tư thì nhân tâm mới phục. Ba vị tiên sinh này do chưa nghiên cứu nhiều sách Phật, chẳng biết lý cùng tột của Phật, nên nhất nhất đều dùng ý của riêng mình mà nêu ra những lời tà vạy, bẻ cong thái quá, khiến cho người đời lầm kẻ bất bình, huống gì người tôn quý cái học ấy? Di Thư của hai vị họ Trình có nêu hai mươi một điều ngũ lục của Hối Am gồm hai mươi một điều, tất cả đều lầm lẫn. Tôi chẳng nói chung mà căn cứ từng điều xét theo nghĩa lý mà nhất nhất phân tích. Đâu dám nói là cùng với ba vị tiên sinh biện luận? Đây là việc bất đắc dĩ mà thôi! Cũng chẳng phải là đua nịnh nơi Phật vậy.

Sau khi biên soạn thành, tôi xếp cất vào chiếc rương nhỏ, đến nay đã rảnh rỗi việc công, nên mới chọn lựa một số giấy cũ mà gặp được bản thảo này, tôi liền chép sạch thành pho quyển, đề là Đạo Dư Lục, đặt lên bàn, để các bậc quân tử, trí nhân ghé qua đây xem đọc bộ lục này, hầu biết tôi kết tội tôi ở tại trong đó vậy!

Tháng 6, Đế hạ chiếu cho Thái tử Thiếu Sư Dao Quảng Hiếu đến Tô châu, Hồ Nam cứu tế. Lúc Quảng Hiếu còn làm Tăng, người chị thường khuyên rằng: “Em đã là một vị Hòa thượng thì nên phát tâm từ bi!” Vì bà đã biết ông ấy hiếu sát. Đến khi Quảng Hiếu dự loạn Tĩnh Nạn, bà ấy than thở nói với mọi người rằng: “Hòa thượng từ bi mà như thế ư?”

Khi Quảng Hiếu đã phú quý trở về đất Ngô, đến thăm chị, người chị cự tuyệt nói: “Quý nhân đâu cần đến nhà nghèo? Nhà nghèo chẳng

thể dung nạp!” Quảng Hiếu bèn thay Tăng phục mà đến, bà vẫn kiên quyết không ra tiếp. Người nhà khuyên bảo mãi, bắt đắc dĩ bà ra đứng giữa nhà. Dao Quảng Hiếu liền quì lễ. Bà nói rằng: “Tôi đâu cần ông lạy nhiều đâu? Từng thấy ông làm Hòa thượng; ông chẳng biết đó là người rất tốt ư?” Nói xong bà liền quay vào trong nhà, không bao giờ gặp mặt nữa.

Tháng bốn năm Ất Dậu, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ ba, Đế nói với Thị thần rằng: Đạo trị quốc không gì hơn là con đường nói năng rộng rãi; Bởi vì thiên hạ lớn lao, sự được mất của việc cai trị, niềm vui nỗi buồn của nhân dân, nếu không có người nói, triều đình làm sao mà biết hết?

Năm Bính Tuất, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư, triệu tất cả Đạo sĩ trong thiên hạ về kinh đến triều Thiên Cung, Thần Lạc quán và Động Thần Cung để tổ chức Kim Lục Trai pháp cúng tế Hoàng Khảo, Hoàng Tử. Đế đến dự tế đàn bảy ngày mới xong.

Cung nghinh vị tăng Tây Tạng là Thượng sư Cáp-lập-ma đến Kinh sư. Lúc trước, khi Đế còn ở Vương vị nghe ở Ô Tư Tạng có Thượng sư Cáp-lập-ma là một dị Tăng, nay lên ngôi liền sai trung quan Hầu Hiến đem vàng bạc đến nghinh thỉnh. Trải qua năm năm mới đến. Đế thân hành đến xem, Thượng sư chỉ chấp tay, chứ không lễ bái.

Năm Đinh Hợi niên hiệu Vĩnh Lạc thứ năm Trực Lệ và các quận vùng Triết Giang, con em của quân dân cạo tóc xuất gia làm Tăng đến một ngàn tám trăm người đồng nhau về kinh xin cấp độ điệp. Bộ lễ nghe được. Đến tháng hai thỉnh Thượng sư Cáp-lập-ma lập pháp đàn ở chùa Linh Cốc cúng tế Hoàng Khảo, Hoàng Tử (cha, mẹ). Thượng Sư thống lãnh Tăng trong thiên hạ cử hành Đại khoa phổ độ trong mười bốn ngày. Bấy giờ mây lành, hoa trời, cam vũ, cam lộ, xá-lợi, ánh sáng lành, linh thứu xanh, hạc trắng xuất hiện, tụ tập liên tiếp nhiều ngày. Một đêm kia trên cây thông cây bá nở hoa màu vàng rờng, chiếu sáng khắp đô thành, rồi Kim Tiên La hán, hiển hiện trên mây; voi trắng, sư tử xanh diệp tướng trang nghiêm, đèn trời dẫn lối, tràng phan vây quanh, cùng nhau đáp xuống. Lại nghe tiếng phạm bái, không nhạc từ trên trời vọng xuống. Quần thần dâng biểu chúc mừng, học sĩ Hồ Quảng... dâng bài “Thánh Hiếu Thụy Ứng Ca Tụng”. Từ đó về sau, Đế để tâm nơi Phật điển, soạn ca khúc Phật giáo, khiến cung nhân ca múa theo.

Mồng sáu tháng hai, các quan văn võ tấu trình vào buổi chiều sáng tại phụng Thiên môn, Đế chuẩn y. phụng thánh chỉ thông tri cho Bộ lễ biết rằng: Cần phải ban hành bảng điều lệ mới để hiểu dụ. Phàm Tăng

Đạo hành cước nên trì trai giữ giới, cho phép họ được lập đàn thuyết pháp. Nếu có người ngăn trở thì đẩy ra ngoài quan ải làm dân. Khâm thử!

Tháng ba phong cho Thượng sư Cáp-lập-ma là Vạn Hạnh Cụ Túc Thập Phần Tối Thắng Viên Giác Diệu Trí Tuệ Thiên Phổ Ứng Hộ Quốc Diễn Giáo Như Lai Đại Bảo Pháp Vương Tây Thiên Đại Thiện Tự Tại Phật, thống lãnh Tăng ni trong thiên hạ. Lại ban cho một trăm lạng vàng, một ngàn lạng bạc, tiền giấy, ca-sa sợi vàng đính ngọc, chén bát bình nước bằng vàng bạc, Nghi trượng đồng như quận chúa. Đệ tử của Thượng sư là Bột-la... cũng đều được phong làm Đại Quốc Sư, ban cho ấn cáo, vàng, tiền và các vật khác. Lại thiết yến tiệc tại điện Hoa Cái.

Thái Sơ Thiên sư húy Khải Nguyên, hiệu Thái Sơ, người Nhật Bản. Năm chín tuổi Sư lễ Thiên sư Vật Ngoại cầu xuất gia. Năm mười chín tuổi, Sư cùng với mười tám người như Tông Du... đến Trung Quốc tham học. Tháng hai năm Bính Ngọ thì đến Kinh đô tham kiến Thiên sư Quý Đàm, sau đó lần lượt tham kiến bốn mươi lăm vị Thiện tri thức như Liễu Đường, Thiên Đồng, Vô Trước, Lại Mục... cuối cùng Sư làm đệ tử nhập thất nơi Hòa Thượng Kiệt Phong, được trao cho đánh tượng, ca-sa, phất tử, pháp ngữ. Sau Sư trụ chùa Tam phong ở La Dương, Giao Long thiên tự ở Cáp sơn. Sư có soạn Tam Hội Ngữ Lục.

Ngày mồng một tháng ba năm này, lúc đứng ngộ Sư thuyết kệ rằng: “Sinh cũng là da mặt sắt, tử cũng da mặt sắt, một chùy nát trăm mảnh, mặt trời quanh thiết vi”. Nói xong ném bút ngồi yên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, hành hóa hơn bốn mươi năm, tháp xây ở phía Nam của chùa.

Ngày Ất Mão, tháng bảy Hoàng hậu Từ Thị băng hà, thụy là Nhân Hiếu hoàng hậu.

Tháng mười một Vĩnh Lạc Đại Diễn soạn thành, gồm hai mươi hai ngàn chín trăm quyển, mười một ngàn một trăm bản. Sau phế bỏ.

Tháng ba năm Mậu Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ sáu, ở Phước Kiến có cây bách trở hoa, cho là điềm lành. Đế hạ chiếu cầu mong như vậy, Không bao lâu hai phủ Tô châu và Dương châu tâu rằng: Hoa thông nở là điềm lành.

Vô Ngại Thiên sư húy Phổ Trí, hiệu Nhất Chi Tẩu, người ở Lâm Bình, Triết Giang, họ Chử. Sư xuất gia ở chùa Long Tĩnh, nương Pháp sư Đông Minh Nhật lãnh thọ học thuyết Tánh cụ của Thiên Thai, Sư rất giỏi giảng thuyết, trải qua bốn đạo tràng, môn phong hưng thịnh. Về già Sư giảng pháp tại chùa Diên Khánh ở Tòng Giang, rồi ở đây đến



cuối đời, chuyên tu tịnh nghiệp, đông hạ chẳng lia.

Mồng hai tháng giêng năm này Sư thị hiện có bệnh, tập chúng xong Sư ngồi kiết già, mặt hướng về Tây, niệm Phật mà thị tịch. Sư có các tác phẩm tập chú A-di-đà kinh một quyển.

Thụy Tượng Chiên-đàn đến đây đã được hai ngàn bốn trăm năm.

Năm Kỷ Sửu, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ bảy.

Năm Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tám.

Năm Tân Mão, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ chín.

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười.

Năm Quý Ty, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười một.

Ngày mồng năm tháng năm, Đế đến Đông Uyển xem đá cầu và bắn cung. Hoàng Thái Tôn bắn liên tiếp nhiều phát đều trúng. Đế vui mừng nói rằng: “Nay Hoa Di đều đã quy tụ, Trẫm có một lời, cháu hãy suy nghĩ rồi đối:

*Vạn phương ngọc bạch phong vân hội.*

*(ngọc lụa vạn phương, mây gió tụ)*

Hoàng Thái Tôn cúi lạy đối rằng:

*Nhất Thống sơn hà, nhật nguyệt minh.*

*(Non sông một cõi, nhật nguyệt soi).*

Đế rất hoan hỷ, thiết đại yến tiệc, cùng nhau làm thi phú, tận hưởng thú vui mới thôi.

Ngày bảy tháng bảy Thượng thư Bộ công là Ngô Trung, trong buổi chầu sáng ở Phụng Thiên môn khâm phụng thánh chỉ, ngày hôm nay ở Kinh thành xây dựng chùa Đại Báo Ân. Ngốc Am Thiên sư húa là Trang, người Thai châu, trụ trì chùa Kính sơn, lúc lâm chung nói rằng: “Khó, khó, khó! Đứa con gái đẹp mười sáu tuổi lên núi cao, lão Tăng nâng đỡ chẳng được!” Nói xong liền thị tịch. Thật là một vĩ nhân tráng liệt uy dũng trong Tông môn.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ ba.

Năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ bốn.

Năm Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ năm.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ sáu, Thái tử Thiếu Sư Dao Quảng Hiếu qua đời, truy phong vinh Quốc công, thụy là Cung Tĩnh. Ông có soạn Đạo Dư Lục đã nói ở trước.

Tháng mười hai Đế ban sắc tu sửa cung quán ở núi Võ Đang đã hoàn thành, ban tên là “Thái Nhạ Thái Hòa Chi Sơn”. Toàn núi có bảy mươi hai ngọn, ba mươi sáu hang, hai mươi bốn khe. Ngọn cao nhất là Thiên Trụ; cảnh đẹp nhất là Tử Tiêu, hang núi phía Nam trên thì thông

lên chạm mây, dưới sâu đến cùng đáy. Thời xưa mỗi nơi đều có lập cung để tế tự, nhưng bị hư hoại trong nạn binh lửa cuối đời Nguyên. Đến nay thì đã hoàn toàn khôi phục mới mẻ. Tử Tiêu gọi là Thái Huyền Tử Tiêu cung, Nam Nham (Hang phía Nam) gọi là Đại Thánh Nam Nhạc cung, lại có Hưng Thánh Ngũ Long cung, Huyền Thiên Ngọc Hư cung, Ngũ Chân cung, Thanh Vi cung, Tịnh Lạc cung. Trên đỉnh Thiên Trụ có lập một tòa điện bằng đồng, dát vàng, ở giữa đặt tượng Châu Võ. Tuyển chọn ba trăm đạo sĩ lo việc quét dọn, cấp hai trăm bảy mươi bảy mẫu ruộng và các hộ nông dân canh tác. Mỗi cung có một vị Đệ Điểm hàm Chánh Lục Phẩm.

Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười bảy, ban hai Bộ Thiện Âm Tước và Hiếu Thuận Sự Thật cho quần thần văn võ và các trường học trong thiên hạ.

Cam lộ rơi trên cây tùng cây bá ở Hiếu lăng ba ngày.

Ngày hai mươi tám tháng hai, ban cho Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Nhất Như hai bức họa tượng Phật, năm mảnh Phật cốt, một xâu tiền một ngàn đồng, ba bản chữ Phật Bồ-tát danh xưng ca khúc lớn nhỏ. Ban cho ngài Đạo Thành một bức họa tượng Phật, Tư Khoách một bức, ba bản danh xưng ca khúc, lại ban chiếu biên tập, phân loại ngữ lục Thiền Tông. Ngày mồng ba tháng ba, lại sắc cho tám vị là Như Nhất, Đạo Thành... hiệu đính Tạng Kinh, so sánh đối chiếu bản mới bản cũ, gom nhóm chữ Tăng ghi chép.

Pháp Hoa Khoa Chú do Pháp sư Nhất Như trụ trì chùa Thượng Thiên Trúc, Tăng Lục Ty Hữu Thiện Thế y cứ vào bộ Pháp Hoa Văn Cú Cú Ký biên soạn mà thành.

Đại Minh Pháp Số cũng do Pháp sư Nhất Như phụng sắc, trích chọn từ các kinh trong Đại Tạng rồi biên tập, phân loại giải thích mà thành.

Tuyệt Hiên Thiền sư húy Đạo Thành, tự là Thấu Phong, người ở Tô Bắc. Sư tham yết ngài Thu Giang Khiết, ngay một lời liền khế ngộ yếu chỉ. Ngài Thu Giang dặn dò rằng: “Đó là việc phần gốc của ông, hãy khéo tự giữ gìn!”

Sư khai pháp ở chùa Trí Tạng, Lai châu. Mỗi lần diễn giảng pháp yếu, có đến vạn người nghe; những kẻ bán rượu thịt được Sư cảm hóa mà đổi nghề. Trong những năm Hồng Võ, Sư được bổ làm Tăng Đô Cương ở Thanh châu. Sau Thái Tổ nghe danh Sư là bậc hiền thiện nên triệu về kinh làm Tăng Lục Ty Hữu Giảng Kinh, ban ca-sa Kim lan, trụ trì chùa Thiên Giới. Đến năm Vĩnh Lạc Sư lại được cử sang Nhật Bản

hoàng pháp. Sau khi trở về thì thăng làm Tả Thiện Thế. Để làm thơ để tặng Sư.

Sư ba lần ngồi đạo tràng; có Tứ Hội ngữ lục lưu hành ở đời.

Mùa thu, Đế soạn nhạc khúc Phật giáo hoàn thành, đồng thời in ấn kinh Phật để lưu truyền.

Ngày mười hai tháng chín khâm phụng thánh chỉ cấp sách Phật đến chùa Đại Báo Ân. Đêm ấy xá-lợi nơi tháp ở chùa này phóng ánh sáng như bảo châu. Ngày mười ba lại hiện hào quang năm màu, mây lành vây quanh mặt trời, ngàn Phật, Bồ-tát, La-hán với diệu tướng đều vân tập đến.

Để lại tiếp tục ban cấp kinh Phật đến Hoài An, ở đây cũng có viên quang năm màu, mây lành năm sắc hiện đầy trời, trong mây hiện Bồ-tát, La-hán; hoa trời, tháp báu, rồng phụng, sư tử, voi, lại có chim hồng, hạc trắng bay lượn chung quanh.

Lại tiếp tục sai Thượng thư Lã Chấn, Đô Ngự Sử Vương Chương phụng đưa danh xưng ca khúc Chư Phật Thế Tôn Như Lai Bồ-tát Tôn giả đến vùng Thiểm Tây, Hà Nam cấp phát. Lúc bấy giờ thần minh thâm ứng, xuất hiện mây lành, viên quang, bảo tháp. Văn võ quần thần dâng biểu chúc mừng, Đế rất vui sướng. Các quan từ đó càng thêm kính trọng Phật, Tăng, xây dựng chùa viện khắp trong ngoài hai kinh để cầu phước.

Tâm Uyên Pháp sư húy là Cư Kính, tự Tâm Uyên, hiệu Giản Tuyệt. Sư học thông nội ngoại điển, giỏi văn chương, tinh nghiên Luật bộ. Đầu tiên Sư tham lễ Hòa thượng Nhất Vũ ở chùa Đại Báo Ân, sau yết kiến Pháp sư Tập Nguyên ở Hàng châu. Năm Vĩnh Lạc thứ nhất Sư Phụng chiếu hiệu đình Đại Tạng, tham dự việc tu chính Hội Điển. Không bao lâu Sư trụ trì Quảng Phước Giảng tự, rồi chuyển đến chùa Phổ Chiếu ở Tòng Giang, mở rộng pháp tịch suốt mười ba năm. Sư xây dựng Đại Hùng Bảo điện, Hải Nguyệt đường, Tam Giải Thoát môn, tinh xá Hương Tích, phòng ốc nhà cửa, tất cả đều rực rỡ trang nghiêm, bảy chúng đều kính ngưỡng; đạo phong ngày lan xa.

Ngày mồng bảy tháng ba năm Canh Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười tám ban mười ba thiên ngự chế Kinh tựa, mười hai thiên Phật Bồ-tát Tán bạt để chép ở đầu mỗi bộ kinh.

Để soạn Thánh Triều Phật Bồ-tát Danh Xưng Phật Khúc Tác năm mươi quyển, Phật Danh Kinh Tác ba mươi quyển, Thần Tăng Truyện Tác chín quyển đều được nhập Tạng lưu hành.

Hạ chỉ khắc bản gỗ Đại Tạng Kinh, hai loại: Tạng Nam Kinh mỗi

bản sáu hàng, mỗi hàng mười bảy chữ. Tạng Bắc kinh mỗi bản năm hàng, mỗi hàng mười lăm chữ. Lại ban lệnh khắc trên đá một Tạng, an trí tại Đại thạch động. Thánh chỉ nói rằng: “Về sau gỗ sẽ bị hư hoại, mà đá thì vẫn còn”.

Xây dựng hai ngôi chùa lớn ở Bắc kinh, tuyển chọn vị Tăng thông tuệ trụ trì.

Ngày hai mươi bảy tháng bảy, triệu hai vị Tăng là Văn Lộc và Thiên Duệ đến ban cho kệ Thất Phật.

Ngày mười chín tháng tám các bộ sách của Thiên Tông được sắc nhập tạng là: Cổ Tôn Túc Ngữ Lục, Liên Châu Tụng Cổ (hai mươi hai quyển), Tục Truyền Đăng Lục (ba mươi sáu quyển); sách của Giảng Tông được nhập Tạng là: Phật Tổ Thống Kỷ (bốn mươi lăm quyển).

Năm Tân Sửu, niên hiệu Vĩnh Lạc mười chín, Đại Bảo Pháp Vương, vị tăng Tây Tạng đến triều, thỉnh vua thân hành đến ủy lạo. Hạ Nguyên Cát ngăn can, Đế nói: “Khanh muốn bắt chước Hàn Dũ ư?” Đế chẳng đến ủy lạo. Hôm khác Pháp Vương đến triều kiến, Cát chẳng bái lạy.

Ngày hai mươi một tháng giêng, Tăng Lục Ty Tả Giác Nghĩa Tuệ Tấn... tấu thỉnh Hoàng đế đề tựa cho việc chép lại Đại Tạng Kinh rằng: Kính nghĩ: Hoàng triều khắc in Tạng kinh là việc ngàn năm hiếm có, chúng thần cúi xin thánh thượng đề soạn lời tựa để đặt ở đầu Bộ kinh, hầu Phật nhật tăng huy, lưu truyền vạn cổ. Như thế thì thật là may mắn cho giáo môn! Vì vậy cung kính trình tấu!”

Ngày ba mươi tháng giêng, Đế xem Tạng Kinh đã được chép lại, đưa đến chùa khắc in, ban cho hai vị Tăng là Truyền Tâm và Diệu Quyết mỗi người một bản.

Mồng mười tháng tám, Đế xét về việc chép kinh: Tăng nhân các nơi trở về hết; sang năm không đến, năm sau nữa mới đến, đó là việc trong giáo môn của các ông; nếu đợi văn thư đến thì bất tiện. Tăng nhân tu hành, phạm kinh đã khắc bản xong, tiễn các vị trở về Sơn môn. Ta cũng kết ít thiện duyên để cung cấp cho các vị. Khâm thử!

Ngày hai mươi bốn tháng chín năm Nhâm Dần, niên hiệu Vĩnh Lạc hai mươi, ban trai soạn cho các Tăng quan - Đế soạn các bài tán về Quán Âm, Kim Cang Sở Châu... Ban bánh xe pháp cho các vị Tăng tham dự pháp hội trong thiên hạ.

Mồng một tháng mười, ban họa tượng Phật Di-đà và tượng Bồ-tát Văn-thù Tây Tạng mỗi một bức cho các Tăng quan và Trụ trì các chùa.

Ngày mồng sáu tháng mười, ban yến tiệc cho Tăng quan, Đạo quan và chúng Tăng trong thiên hạ. Ban chiếu khắc tượng Quán Âm nhỏ và sổ châu thủy tinh.

Năm Quý Mão, niên hiệu Vĩnh Lạc hai mươi mốt.

Ngày mười tám tháng bảy năm Giáp Thìn, niên hiệu Vĩnh Lạc hai mươi hai, Đế băng hà thọ sáu mươi lăm tuổi.

Ngày mười lăm tháng tám Hoàng Thái tử lên ngôi. Mồng một tháng chín, phong Đại Hành (mới băng hà) Hoàng đế thụy là Thể Thiên Hoàng Đạo Cao Minh Quảng Vận Thánh Võ Thần Công Thuần Nhân Chí Hiếu Văn Hoàng Đế. Miếu hiệu là Thái Tông. Đến năm Gia Tĩnh đổi miếu hiệu là Thành Tổ. Tháng mười hai an táng ở Trường lăng.

Đại Tông Thiên sư húy là Thái, người ở Thiệu Hưng, trụ trì Kính Sơn. Một hôm vào lúc sáng, Sư sớm tắm rửa sạch sẽ xong, ngồi kiết già thị tịch.

Bá Am Thiên sư húy là Tú, người Tô châu. Trụ trì Kính Sơn. Một hôm đang kinh hành, Sư tựa vào tích tượng mà thị tịch.

Những danh Tăng vào thời mới lập triều đại chưa thấy truyền ghi thì phụ chép, trước đã nêu chín vị, sau phụ thêm hai mươi mốt vị.

Vô Ngại Thiên sư húy Giám, Nguyệt Am Thiên sư, Tố Am Thiên sư húy Điền, Liễu Đường Thiên sư, Ngoan Thạch Thiên sư, Vô Niệm Thiên sư, Thiên Đồng Thiên sư húy Tố, Vạn Am Thiên sư, Dụng Cang Thiên sư húy Nhuyễn, Tịch Chiếu Thiên sư, Độc Không Thiên sư, Di Am Thiên sư húy Châu, Vô Thiên Thiên sư húy Ngô, Vô Hà Thiên sư, Nhất Vũ Thiên sư, Hòa Am Thiên sư, Diển Phước Pháp sư, Khê Trừng Thiên sư, Ngô Hư Thiên sư, Lại Vân Thiên sư, Hoại Không Thiên sư húy Thành.

Nhân Tông Chiêu Hoàng đế là con trưởng của Thành Tổ, do Nhân Hiếu Thái hậu sinh ra. Chánh thức ở ngôi Đông Cung hai mươi hai năm, khi Thành Tổ băng hà, đến ngày mười lăm tháng tám năm Giáp Thìn thì lên ngôi, tại vị được một năm, ngày mười một tháng năm năm Ất Mão thì băng hà ở Tây Cung, thọ bốn mươi tám tuổi. Phong thụy là: Kính Thiên Thể Đạo Thuần Thành Chí Đức Hoàng Văn Khâm Võ Chương Thánh Đạt Hiếu Chiêu Hoàng Đế. Miếu hiệu Nhân Tông, táng ở Hiếu lăng.

Ngày một tháng giêng năm Ất Tỵ, niên hiệu Hồng Hy Nguyên niên, Đế ngự ở điện Phụng Thiên để quần thần triều kiến, có thiết nhạc mà chẳng cho thổi.

Tế cáo trời đất ở Nam giao. Dâng cúng Hoàng Tổ, Hoàng Khảo.

Ban cho Tam Công, Lục Khanh bài Thiên Nguyên Ngọc Lịch Tường Di Phú. Dụ rằng: Thiên đạo và nhân đạo chưa từng phân làm hai đường, có động nơi đây thì ắt có ứng nơi kia. Lúc nhỏ Trẫm hầu Thái Tổ, ngài thường dạy nên cẩn thận tu mình và kính trời, đến nay chưa từng giám biếng trễ.

Gia Tăng Thiếu sư là Vinh Quốc Công, thụ là Trung Tĩnh. Bốn người là Dao Quảng Hiếu... được tế cúng ở miếu hiệu Văn Hoàng Đế.

Ban chiếu miễn thuế lương thực. Đế nói: “Phàm cứu giúp dân khổn cùng, phải như cứu lửa, vớt người sắp chìm chẳng nên chậm trễ”. Lại nói: “Cứu giúp dân đâu thể cho là quá nhiều? Làm chủ thiên hạ, đâu thể tính toán so đo từng chút với dân!”

Ban cho Kiến Nghĩa một con dấu đề là Trung Trinh, Dương Sĩ Kỳ một con dấu đề là Trinh Nhất. Lúc trước đã ban Thằng diển cũ mật đồ thư.

Qua tháng năm Đế bị bệnh, hôm sau thì nguy kịch, Đế chiếu truyền lập Thái tử xong thì băng hà.

Ngày mười hai tháng sáu, Hoàng thái tử kế vị Hoàng đế, đại xá thiên hạ.

Tháng tám ban sắc tu chính Thật Lục hai triều Thái Tông, Nhân Tông.

Phụ ghi các danh Tăng đương triều mà chưa thấy truyền chép: Vân Khê Anh Thiên sư, Bảo Nguyệt Đàm Thiên sư, Khiết Không Thông Thiên sư, Tuyết Phong Thụy Thiên sư.

Tuyên Tông Chương Hoàng đế là con trưởng của Chiêu Hoàng đế, do Trương Hoàng hậu sinh ra. Lúc đầu Văn Hoàng đế có ý muốn thay đổi Đông cung, nhưng lại thấy Đế thông minh anh tuấn, hơn nữa Giải Tấn lại nói rằng: “Thật là một Hoàng tôn quý!” Nhân đó Văn hoàng đế lập làm Hoàng thái tôn. Khi Nhân Tông băng hà thì ông kế vị, ở ngôi được mười năm. Ngày mồng ba tháng giêng năm Ất Mão thì băng hà, thọ ba mươi bảy tuổi. Tôn thụ hiệu là Hiếu Thiên Thế Đạo Anh Minh Thần Thánh Khâm Văn Chiêu Võ Khoan Nhân Thuần Hiếu Chương Hoàng Đế, miếu hiệu Tuyên Tông, an táng tại Cảnh lăng.

Năm Bính Ngọ niên hiệu Tuyên Đức nguyên niên, Đế dụ tuyển quan rằng: “Các quan có hiền hay không, đều có liên quan đến việc thịnh trị hay loạn lạc của quốc gia...” Đế dụ Tam Pháp Ti rằng: “Việc tra xét giam cầm, cần ở chỗ công bằng và khoan dung...”

Đế ban đồ thư cho Kiến Nghĩa ghi là Trung Hậu Khoan Hoàng; ban đồ thư cho Hạ Nguyên Cát ghi là Hoàn Hoàng Trinh Tĩnh; ban đồ

thư cho Dương Vinh là Phương Trực Cang Chánh, ban đồ thư cho Dương Sĩ Kỳ ghi là Trung Phương Trinh Tĩnh; ban đồ thư cho Hồ Oanh ghi là Thanh Hòa Cung Tĩnh.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Tuyên Đức thứ hai, ban sắc giảng Mạnh Tử, quan giảng nói rằng: “Thái Công lấy việc cứu dân làm chính, Bá Di lấy nghĩa quân thần làm trọng”. Đế liền nói: “Cái tâm của Thái Công là tại nhất thời, tâm của Bá Di là thuộc vạn thế”.

Tháng hai năm Mậu Thân, niên hiệu Tuyên Đức thứ ba, lập trường tử là Kỳ Đường làm Hoàng thái tử.

Đế nói rằng: “Địch (Ổng địch) tức là Địch (tức là rửa sạch) nghĩa là rửa sạch những tà uế mà thấu nạp Chánh chân”.

Tháng giêng năm Kỷ Dậu, niên hiệu Tuyên Đức thứ tư, sô ngu (1 loài thú có nghĩa) xuất hiện ở Nam kinh.

Chùa Viên Quả ở Sơn Tây là một Đạo tràng xưa, cũng là nơi quốc dân chúc thánh triều, tấu xin dân công để tu sửa.

Năm Canh Tuất, niên hiệu Tuyên Đức thứ năm tu chỉnh xong các bộ Thái Tông Thật Lục một trăm ba mươi quyển, Bảo Huấn mười lăm quyển; nhân Tông Thật Lục mười quyển, Bảo Huấn sáu quyển.

Hạ Nguyên Cát là người có đức độ, tâm lượng rộng rãi. Ông nói rằng: “Người quân tử không thể làm một cách mờ mịt mà biếng nhác được”. Sau khi ông mất được tặng hiệu là Đại Sư.

Nước Thổ Lỗ Phần khí hậu nóng, ít có mưa và tuyết, người dân tin Phật pháp, nhiều chùa Tăng, trong đó chùa Linh Sơn là lớn nhất. Có người cho đây là nơi mười vạn La-hán nhập Niết bàn. Gần núi có một đài cao, bên đài cao có chùa, dưới chùa là suối đá, rừng cây. Bấy giờ nước này có đến triều cống.

Phong Giám sát Ngự sử Vu Khiêm làm Binh bộ Hữu thị Lang kiêm Tuần Phủ Hà Nam Sơn Tây.

Vu Thiệu Bảo người Tiền Đường, Triết Giang, có cốt tướng lạ thường. Năm lên bảy tuổi có một vị Tăng tên là Lang Cổ Xuân trông thấy, lấy làm lạ mà nói rằng: “Ngày sau sẽ cứu một vị Tể tướng đương triều!” Ông đỗ tiến sĩ năm Tân Sửu, niên hiệu Vĩnh Lạc, được bổ làm Ngự Sử. Ông có tài, tướng mạo lại kỳ vĩ, giọng nói như tiếng chuông lớn, gặp việc dám làm, chẳng sợ quyền thế. Từng theo Đế chinh phạt Cao Hú. Tội nhân đã bị bắt, Đế sai Khiêm trách mắng kẻ phản loạn, bấy giờ ông dùng lời lẽ nghiêm khắc, nghĩa lý chánh trực, vừa mở miệng là thành câu nghĩa, rất hợp ý của Đế. Từ đó được sự tri ngộ của Đế. Lúc bấy giờ bốn tỉnh Hà Nam, Sơn Tây... đều tấu về có tai họa, triều đình

ngộ bàn, muốn cử một đại thần đến kinh lý. Đế tự đặt tên cho Khiêm là Siêu. Lúc ấy ông mới ba mươi ba tuổi.

Sài Xa người Tiền Đường, nổi tiếng là người trong sạch, cẩn thận, làm Binh bộ Thị Lang.

Huống Chung người Giang Tây, làm Tri phủ Tô châu, luôn dẹp cường bạo, giúp đỡ người lành, nhân dân gọi ông là Thanh Thiên.

Tháng mười hai sao Hàm dự hiệu ở Cửu du lớn như quả đạn, ánh sáng vàng trắng chói lòa. Quần thần dâng biểu chúc mừng.

Giáo Thừa Pháp Số do Pháp sư Tâm Nguyên Tịnh là Hữu Thiện Thế Tăng Lục Ty biên soạn.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Tuyên Đức thứ sáu, Kim Ấn Tư tánh tình giản dị trầm mặc chẳng bỏ thiện mà cầu danh. Chết được tặng thiếu bảo, thụy là Văn Tĩnh.

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Tuyên Đức thứ bảy, vua soạn Y lan Thảo Chiêu Ấn để cầu hiền sĩ ở ẩn nơi núi rừng. Tháng tám năm Quý Sửu, niên hiệu Tuyên Đức thứ tám, sao chổi phạm vào khu vực Nam đẩu, sao Cảnh hiện ở Thiên môn.

Năm Giáp Dần, niên hiệu Tuyên Đức thứ chín. Tào Tĩnh tự là Chánh Phu, rất chuộng lý học, trứ thuật rất nhiều tự gọi là Nguyệt Xuyên Tiên sinh.

Ngày mồng ba tháng giêng năm Ất Mão, niên hiệu Tuyên Đức thứ mười, Đế băng hà ở cung Càn Thanh. Ngày mười Thái tử lên kế vị, đại xá thiên hạ. Kiểu Nghĩa là người trầm tĩnh, khoan hòa và nhân hậu, làm quan trải qua năm triều, mất năm bảy mươi ba tuổi, tặng tước Thái Sư, thụy là Trung Định.

Kính Am Thiên sư húy là Trang, trụ trì đời sáu mươi ba chùa Kính Sơn. Một hôm Sư mỉm cười mà thị tịch.

Lôi Am Thiên sư húy Trạch, trụ trì đời sáu mươi bốn chùa Kính Sơn, viên tịch ngày tám tháng tám.

Vô Tế Thiên sư húy là Ngộ, người Bản Thục, xuất gia năm hai mươi tuổi, chuyên tọa Thiền, tham cứu niệm Phật. Cát am tre, siêng năng tu tập chưa từng biếng trễ. Sư từng nói: “Vô niệm liền rơi vào không, Hữu niệm thì rơi vào chấp, Hữu vô cả hai đều lìa, chẳng không cũng chẳng chấp trước”. Lại nói: “Tịch chiếu không trên dưới, rõ ràng thông khắp nơi, xưa nay không đen trắng, đâu đâu chẳng hàm dung?” Sư có bài kệ truyền pháp rằng:

*Ta không pháp để trao*

*Ông không tâm để nhận*



*Không trao, không tâm nhận  
Người nào chẳng thành tựu.*

Sư có tác phẩm Tâm Dực Phương lưu hành ở đời. Lại có bài Kệ Tầu Mã Đăng ghi:

*Tròn tròn xoay vẫn lại xoay  
Không người mất sáng chỉ ngay con đường.  
Tắt rồi đóm lửa tâm hồng  
Đao thương người ngựa liền đồng nghỉ thôi.*

Số Sơn Thiên sư húy Thiệu Kỳ, họ Lô, người Đường An. Sư xuất gia năm chín tuổi, đầu tiên theo Hòa thượng Huyền Cực tu học, cuối cùng tham yết Thiên sư Vô Tế mà đắc pháp. Ngài Vô Tế Đông Phổ hỏi rằng:

- Trả lại ta ý chữ Vô đi?

Sư đáp:

*Hỏi chi việc ấy thật lắm điều  
Triệu lão đâu từng dính nghĩ suy  
Thuận miệng một lời đều dốc cả  
Trở thành đặc địa khiến người nghi.*

Ngài Đông Phổ liền hỏi tiếp:

- Thế nào là chỗ chẳng nghi?

Sư đáp:

- Núi xanh, sông biếc, yến hót, oanh ca!

Ngài Đông Phổ liền phó pháp cho Sư.

Nguyệt Giang Thiên Sư húy là Tịnh, người Kim hoa, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi lăm. Một hôm Sư ngồi yên, niệm Phật mà thị tịch.

Tuyết Nhai Thiên sư húy Kha, người Kim Lăng, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi sáu. Một ngày kia Sư tắm rửa xong, ngồi yên thị tịch.

Anh Tông Duệ Hoàng đế là con trưởng của Chương Hoàng đế do Tôn Hoàng hậu sinh vào năm Tuyên Đức thứ hai. Lúc Tuyên Tông băng hà thì Đế mới chín tuổi. Bấy giờ các công thần có đề nghị hoàng tử lớn làm vua, nhờ Tam Dương và Anh Quốc mà định được. Ngày mười tháng giêng năm Ất Mão Đế lên ngôi, đổi niên hiệu là Chánh Thống. Đến năm Kỷ Ty, Đế tuần thú phương Bắc, tháng bảy năm Canh Ngọ mới trở về, được tôn làm Thái thượng hoàng, ngự ở Đông cung. Đến tháng giêng năm Đinh Sửu lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thuận, đến ngày mười bảy tháng giêng năm Giáp Thân thì băng hà, thọ bốn mươi tám tuổi, tại vị trước sau được hai mươi hai năm. Tôn thụy hiệu là: Pháp Thiên Lập Đạo Nhân Minh Thành Kính Chiêu Văn Hiến Võ

Chí Đức Quảng Hiếu Duệ Hoàng Đế, miếu hiệu Anh Tông, táng ở Du lăng.

Tháng mười năm Bính Thìn, niên hiệu Chánh Thống nguyên niên, Đế lệnh cho Tăng Lục Ty y theo phép tắc đời Hồng Võ tạo Châu Tri sách cho Tăng; miễn sai dịch cho con cháu của các bậc tiên Hiền, cổ Thánh.

Năm Đinh Ty, niên hiệu Chánh Thống thứ hai.

Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chánh Thống thứ ba, Tam Dương (ba vị đại thần họ Dương) tu chỉnh Tuyên Đức Thất Lục hoàn thành. Dương Sĩ Kỳ, Dương Vinh Thăng làm Thiếu Sư, Dương Phổ làm Thiếu Bảo.

Năm Kỷ Mùi, niên hiệu Chánh Thống thứ tư.

Năm Canh Thân, niên hiệu Chánh Thống thứ năm. Vương Phước là người có tâm chánh đại, nghĩa và lợi phân biệt rõ ràng, lo việc nước quên cả việc nhà, về già lại càng cần mẫn, làm quan đến chức Thượng Thư Thiếu Bảo; lúc chết được tặng chức Thái Bảo, thụy là Trung Tuyên.

Thích Ứng Năng chính là Kiến Văn Hoàng đế. Sau khi xuất gia Sư đi qua các vùng Tương, Hồ rồi vào đất Thục đến Vân Nam, xứ Môn. Cuối cùng vào trụ ở chùa Thọ Phật ở Nam môn Hoàng châu, Quảng Tây. Sư ở đây mười lăm năm, thường thăng tòa thuyết pháp, người quy hướng rất đông. Sư lại đến trụ một ngôi chùa ở Nam Ninh để giảng thuyết, độ được nhiều người. Bấy giờ Tri Phủ Tư Ân là Sâm Anh ra ngoài tuần du thấy một vị Tăng đứng ngay giữa đường, bèn quở trách, Sư tự xưng là Kiến Văn Hoàng đế du phương đến đây, nay đã già muốn đưa hài cốt về Đế Kinh. Sâm Anh kinh hãi báo lên Tuần phủ Ngự sử tấu về triều đình, đưa tiễn về Kinh, gọi đó là lão già yếu đuối. Trên đường về, Sư đọc bài thơ rằng:

*Lưu lạc giang hồ bốn chục thu  
Ngày về chẳng biết tóc bạc đầu  
Còn khôn có hạn nhà đâu tá?  
Giang, Hán vô tình nước vẫn trôi  
Trường lạc cung kia mờ mây phủ  
Chiêu dương điện ấy tiếng mưa sâu  
Bồ liễu bao năm màu vẫn thắm  
Lão quê thôn thức khóc trở về.*

Vào niên hiệu Hồng Trị, truy thụy là Cung Nhân Khang Định Cảnh Hoàng đế.

Năm Tân Dậu, niên hiệu Chánh Thống thứ sáu.

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Chánh Thống thứ bảy. Thái hoàng Thái hậu Trương thị, thụy là Thành Hiếu Chiêu Hoàng hậu, những người già lão trong thiên hạ gọi bà là Nghiêu Thuấn trong hàng nữ lưu.

Năm Quý Hợi, niên hiệu Chánh Thống thứ tám, Vương Chấn xây dinh thự lớn ở hoàng thành, lại lập điện Trí Hoa... ở Cư Đông để chúc phúc. Truy phong bậc Nguyên Nho là Ngô Trường làm Lâm Xuyên quận công, được tế tự nơi miếu Khổng Tử.

Hiếu Am Thiên sư hứ là Thiện Khải, tự Đông Bạch, biệt hiệu là Hiếu Am, người Trường châu, họ Dương. Vừa mới biết nói đã thông kinh Phật giống như đã thuộc từ trước. Đầu tiên đến chùa Vĩnh Mậu xuất gia và thọ giới Cụ túc rồi đến Long Sơn nghiên cứu Đại Tạng và tất cả sách của Bách gia chư Tử. Năm Mậu Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc, Sư khai pháp tại chùa Diên Khánh ở quận nhà, năm sau vâng chiếu tham dự biên tu Vĩnh Lạc Đại Điển, đồng thời hiệu đính Đại Tạng Kinh. Được vua ban cho Y Tăng-già-lê sợi vàng. Sư thường kết bạn phương ngoại với các danh sĩ đương thời để luận biện về sự khác biệt giữa Nho và Thích. Sư từng nói: “Không luận là Thánh nhân nào, tất cả đều đồng một lý, nhưng mỗi mỗi đều lập giáo khác nhau!” Lại nói: “Đông Thổ ngộ đạo, Tây Trúc kiến tánh, đều không gì hơn tôn trọng cái gốc. Cho nên chúng tôi tuy xa lìa cha mẹ, mà cung dưỡng khi sinh, tống tiễn lúc chết đều rất trọng hậu.

Sư thị tịch vào năm Quý Hợi, niên hiệu Chánh Thống.

Năm Giáp Tý, niên hiệu Chánh Thống thứ chín, Dương Sĩ Kỳ qua đời, thọ tám mươi tuổi. Tặng thụy là Văn Trinh. Ông có tác phẩm Sa Tiện Cảo, Hữu Đài Cảo. Đời gọi ông là Tây Dương. Còn Dương Vinh mất tháng bảy năm Canh Thân ở Hàng châu, thụy là Văn Mẫu. Đời gọi ông là Đông Dương.

Năm Ất Sửu, niên hiệu Chánh Thống thứ mười, Thị Lang Vương Anh mang hương tiền đến tế Nam trấn, trời đổ mưa lớn, người đời gọi là Thị Lang Vũ.

Năm Bính Dần, Dương Phổ người ở Thiên Thai, làm quan đến học sĩ Thiếu Bảo, ông qua đời vào năm này thọ bảy mươi lăm tuổi, thụy là Văn Định.

Không Cốc Thiên sư hứ Cảnh Long, tự Tổ Đình. Đầu tiên Sư theo Hòa thượng Lại Vân ở Biện Sơn học tập và tham thiền, kế đến tham yết ngài Cổ Chuyết, rồi lễ ngài Thạnh Am cầu xuất gia, sau đó đến chùa Chiêu Khánh thọ giới Cụ túc. Sư có Không Cốc Tập lưu hành ở đời.

Hư Bạch Thiên sư hứ Tuệ Sâm, dòng họ ở Hồ Quảng, gia đình ở

Dan Dương, họ Vương. Mẹ Sư là Hoàng thị, vào đêm có thai mộng thấy một vị Tăng có dáng như đang lao dịch bước vào nhà. Khi sinh ra Sư có rất nhiều điềm linh dị. Sư thông minh đĩnh ngộ khác phàm, vừa chạm vào mắt là thuộc lòng. Năm bảy tuổi, một hôm mộng thấy mình đang thao thao luận đàm huyền nghĩa trong đám đông người. Lúc tỉnh dậy kể lại với người mẹ, bà nói rằng: “Đó là tướng cao Tăng thuyết pháp!”

Năm mười bốn tuổi Sư xuất gia, đầu tiên tham yết các ngài Tông Ấn, Trạm Nhiên, Quả Lâm, nhưng sau triệt ngộ nơi ngài Bảo Tạng Trì. Sư nói kệ rằng:

*Một quyền đập nát cõi hư không  
Trăm ức Tu di chẳng lộ tông  
Xin hỏi trong đây ai là chủ?  
Phương đông bỗng xuất mặt trời hồng.*

Sau Sư trụ chùa Đông Minh ở An Khê hơn hai mươi năm, ngày đêm Sư không ngủ, ngồi như là cờ sắt, người đời gọi Sư là Sấm Thiết Tích. Sư thị tịch vào năm bảy mươi tuổi, tháp xây ở phía đông núi này.

Tây Trù Thiên sư húy Khoảnh, người Cối kê, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi bảy. Một hôm Sư chỉnh trang y áo xong rồi ngồi yên thị tịch.

Thủ Trung Thiên sư húy Thần, người Kim Hoa, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi tám. Sư đang kinh hành, bỗng chốc ngồi yên thị tịch.

Kiệt Phong Thiên sư húy là Anh, người ở Kim Hoa, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi chín. Một hôm Sư trì tụng kinh Kim Cang xong thì thị tịch.

Vu Khiêm lần nào về kinh cũng không đem sơn vật địa phương làm quà tặng, nên người ở Biện Kinh có câu thơ rằng:

*Lễ vật nắm cô với tuyến hương  
Vốn riêng dân dựng lại tai ương  
Gió mát hai tay châu thiên tử  
Tráng được nhân dân nói đoản trường.*

Thương Lộ người Thuần An Nghiên châu, đỗ đầu cả ba khoa thi Hương, Hội, Đình. Làm quan đến Nội các, Hàm Nhất phẩm, sự nghiệp là danh thần thời bấy giờ.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Chánh Thống mười hai.

Năm Mậu Thìn, niên hiệu Chánh Thống thứ mười ba.

Năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Chánh Thống mười bốn, học sĩ đã về hưu là Hoàng Chuẩn qua đời, ban thụy là Văn Giản.

Tháng sáu có sấm sét lớn, mưa gió rất mạnh, các cung điện ở Nam kinh bị cháy rụi. Núi Thiệu Hưng bị dời chỗ, đất chấn động, bạch mao

sinh khắp nơi. Hai nơi ở Thiểm Tây có núi lửa. Có núi bị di chuyển đến vài dặm, phát ra âm thanh lớn, ba ngày mới dứt. Hoàng hà đổi dòng chảy về hướng Đông ra biển, nhận chìm hơn một ngàn ngôi nhà. Sao chổi vào khu vực Nam Đẩu.

Tháng bảy phía Bắc giặc cướp phá biên giới, Vương Chấn buộc Đế thân chinh. Mây đen như cái dù bao trùm lên quân doanh, sấm sét chớp giạt liên hồi, mưa gió mù mịt.

Ngày mười lăm tháng tám Đế đến Thổ Mộc giao chiến với địch, quân ta liên tiếp thất trận. Đế bị Bắc quân (Mông Cổ) bắt sống.

Mồng sáu tháng chín, Thành Vương lên ngôi Hoàng đế, tôn Anh Tông làm Thái thượng hoàng. Vu Khiêm phản đối rằng: “Kinh sư là gốc của thiên hạ, một khi có động thì thế lực lớn sẽ mất hết, đề nghị niên bảng yết thị chỉ dụ cho tất cả mọi người cố thủ, mới an định được”. Quân Thát Đát mỗi đêm đều thấy trong phòng của Đế (Anh Tông) có ánh sáng ẩn hiện như rồng vàng uốn lượn trên đó, nhưng đến gần thì chẳng thấy.

Cảnh Hoàng đế là con thứ hai của Tuyên Tông, do Ngô Quý phi sinh ra. Đầu tiên được phong làm Thành Vương. Khi Anh Tông bị Thát Đát bắt cầm tù, ông tuân phụng ý chỉ của Tôn Thái hậu làm Giám Quốc cho Hoàng Thái tử lúc ấy còn quá nhỏ, chưa nắm được triều chính. Chưa bao lâu quần thần khuyên giục, ông bèn lên ngôi Đế. Tại vị bảy năm. Khi Anh Tông trở về, phế ông làm Thành Vương cho trở về Tây cung. Bấy giờ ông đã bị bệnh qua vài ngày sau thì băng hà. Đến năm Thành Hóa thứ mười, khôi phục lại Đế miếu hiệu cho ông là: Cung Nhân Khang Định Cảnh Hoàng Đế.

Ngày mồng một tháng giêng năm Canh Ngọ, niên hiệu Cảnh Thái nguyên niên, Đế lâm triều, miễn chúc tụng.

Thái Thượng hoàng còn bị giam giữ tại Mông Cổ. Soạn biểu cầu Hoàng Thiên.

Toàn Dẫn là một tướng số gia, bói cho Thượng Hoàng một quẻ rồi tâu rằng: “Đại cát! Được trở về và lên ngôi vị trở lại.”

Năm Tân Mùi, niên hiệu Cảnh Thái thứ hai.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Thái thứ ba, Lý Hiền dâng biểu nghị bàn về chiến xa; nói rằng: Muốn đi thì cho đi, muốn dừng thì cho dừng, gọi đó là thành trì có chân, kế sách lâu dài phòng thủ biên cương, thì xe này có chỗ dùng được.

Võ cang xa do Vệ Thanh chế tạo, dài một trượng năm thước, cao sáu thước năm tấc, phía trên có một cửa nhỏ, bên dưới có chừa một lỗ

nhỏ, hai bên trái phải có lắp đặt các mũi thương. Mỗi xe từ trước đến sau chiếm một khoảng năm bộ. Nếu dùng một ngàn chiếc, mỗi mặt hai trăm năm mươi chiếc, thì dài khoảng bốn dặm. Bên trong có chứa quân mã, lương thảo, quân dụng. Dùng dây để ngăn chặn quân địch thì ngựa không thể xông vào, tên chẳng thể bắn trúng người. Đó gọi là thành quách có chân ngựa vận chuyển không lương thực.

Thường Sơn Xà Trận: Quách Lâm thao luyện quân sĩ các doanh nói trận: Trường Xà của Thường Sơn nếu đánh vào đầu thì đuôi tiếp ứng, đánh đuôi thì đầu tiếp ứng, nếu đánh ở giữa thì đầu đuôi tiếp ứng.

Tám trận là: Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hồ, Ô, Xà. Chế phục loài rồng: Từ Hữu Trinh lập một cái quyết khẩu, nhưng bỏ đá và cây xuống thì cũng như không có đá vậy. Trinh mới vào núi thưa hỏi một vị Tăng có đạo thuật giỏi. Vị Tăng liền nói: “Thánh nhân vô dục!” Trinh liền hiểu phía dưới có một cái hang rồng, rồng này tánh đa dục, Trinh bèn nấu chảy sắt đổ xuống quyết khẩu, rồng dời đến nơi khác, quyết khẩu liền bít.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Cảnh Thái thứ tư;

Tháng bốn năm Giáp Tuất niên hiệu Cảnh Thái thứ năm, xây dựng xong chùa Long Phước - Đệ tuần du - Ban sắc tu chính Sử Tống và Nguyên, Thông Giám Cương Mục Công Tập.

Độc Phong Thiên sư hựu Quý Thiện, người Phượng Dương, cha họ Ngô, mẹ là Trình Thị. Sư xuất gia năm mười bảy tuổi, đầu tiên thưa hỏi Hòa thượng Nguyên Minh, được trao cho Công án “Chữ Vô”, Sư liền nhập thất, không đặt đơn nằm, nhưng ma ngũ quá nặng, trăm phương cũng không đuổi được. Một hôm nghe tiếng chuông, bỗng nhiên đọc kệ rằng:

*Im im lặng lặng chẳng làm chi  
Chạm đến không đầu rống tức thì  
Nhất thanh động địa tiêu tin tức  
Đầu lâu nát vụn mộng chẳng tùy.*

Sư có để lại Ngự lục lưu hành thế gian.

Nhất Thanh Thiên sư hựu là Thiên, hiệu Khiết Tổ, người Khánh Lăng, họ Âu Dương. Đầu tiên Sư học tập nơi ngài Chánh Tông Trung, được độ nơi Pháp sư Vân Hải ở Thạch Nhai, làm Thị hương ở chùa Đại Thiên Giới, được thăng chức Tả nhai Giảng kinh, triều đình ban hiệu là Hoàng Hậu Phổ Ứng. Năm Quý Sửu, niên hiệu Chánh Thống, Đế sắc cho Sư xây dựng Hoàng Khánh Thiên Viện. Đại phong của Sư ngày càng lan xa, từ triều đình cho đến dân già đều nghe biết. Sau nhận lời

cầu thỉnh của các bậc thạc đức danh Tăng, Sư nhận trụ trì chùa Kính Sơn; được các đại Đàn-việt vui mừng hỗ trợ. Sư xây dựng nơi đây thành một tông lâm trang nghiêm hùng vĩ.

Năm Ất Hợi, niên hiệu Cảnh Thái thứ sáu.

Năm Bính Tý niên hiệu Cảnh Thái thứ bảy, soạn xong bộ Hoàn Vũ Thông Chí, các quan biên tu như Tổng Tài... đều được gia phong phẩm trật.

Anh Tông trở lại ngôi vị.

Năm Đinh Sửu, niên hiệu Thiên Thuận nguyên niên, Lý Hiền nghi biểu đoan chánh, khí độ cao vời, ngưng thần đạt được thể. Tiết Tuyên học và hạnh đều thành thực; Khâu Chánh thi cương trực, khẳng khái tự xét mình. Ngô và Bật là thượng thủ trong hàng Nho học.

Tuyết Quang Thiền sư họ Triệu, chặt ngón tay phát tâm. Đầu tiên Sư lễ ngài Diệu Âm cầu xuất gia, kế đó tham kiến Thiền sư Tịch Chiếu gắng sức hạ thủ công phu; lại tham yết Hòa thượng Khiết Không, hỏi đáp qua lại mới tỉnh ngộ. Sư làm kệ rằng:

*Rỗng rang thấu triệt cổ linh đài  
Vận dậm không mây bật trần ai  
Quảng Hàn cung ấy chưa lia được  
Ngân Thiêm ấn phá bóng trăng kia.*

Lúc lâm chung Sư nói rằng: “Địch sắt tự do thổi, đâu cần phải nhờ hay không nhờ vào cảnh núi non!” Nói xong ném bút thị tịch. Sư trụ trì chùa Tây Vân, tháp xây ở chùa Chánh Pháp.

Vật ngoại Thiền sư tên là Viên Tín, tự Vô Niệm, họ Cao, người Kim Đài, biệt hiệu là Vật Ngoại. Mẹ Sư một hôm nằm mộng thấy một vị Tăng vào nhà tá túc mà có thai sinh ra Sư. Khi còn nhỏ Sư đã chẳng chịu ăn ngũ tân. Đầu tiên lễ ngài Đại Giác làm thầy, kế đến tham lễ ngài Thiên Trì Xuân, rồi đến ngài Vô Tế tham cứu, sau khai ngộ có làm kệ rằng:

*Côn lân uốn lượn với gió vờn  
Khe sâu trâu đất đấu hổ đá  
Chạm phải tông xanh trên mi mắt  
Trùng tiêu mình đập phá hư không.*

Sau được ngài Nguyệt Huyền trao cho pháp y. Sư khai pháp ở Phục Ngưu sơn.

Tuyết Đình Thiền sư người Nhân hòa, họ Quế, mẹ là Từ thị. Sư xuất gia năm mười lăm tuổi, tham yết Hưu Hưu Ông ở chùa Tiên Lâm. Năm mười bảy tuổi cạo tóc xuất gia, trụ ở chùa Triều Minh, Giang Âm.

Có bài Vịnh Hoàng Lê tụng rằng:

*Đa tình tự biết tiếc ngày xuân  
Bay đến vườn kia chốn gấm hoa  
Nhớ chuyện bên sông bưng giắc mộng  
Mãn đình, hồng hạnh đượm tà dương.*

Sư có ngữ lục lưu hành ở đời.

Cổ Khả Thiên sư húy Ngân, Bảo Trì Thiên sư húy Liên, Nam Sơn Thiên sư húy Thọ, Bạch Vân Thiên sư, Tố Hư Thiên sư, Tràm Nhiên Thiên sư, Đại Tông Thiên sư. Mật Thiên sư, Quang Trạch Thiên sư, Đại Cơ Thiên sư, Nguyệt Khê Thiên sư, Đạo Dục Thiên sư, Thọ Đường Thiên sư, Thiên Cam Thiên sư húy Tế, Đại Giác Thiên sư.

Năm Mậu Dần niên hiệu Thiên Thuận thứ hai, Trần Châu Thịnh vì cái học thật tiến của Thánh hiền mà có công lớn, được chúa Kính. Ông từng nói rằng: “Chân ý của Đại học là Thiết Môn Quan; làm chủ một, hai chữ là cái chìa của khoá ngọc”.

Lý học thì có Tiết Văn Thanh Hoàn, Trần Khắc Am Tuyển là bậc nhất; Ngô Kính Trai Nhân, La Nhất Phong Luân, Chương Phong Sơn Mậu xếp thứ hai; còn có Trần Bạch Sa Hiếu Chương, Trang Định Sơn Tuyên, Hoàng Vị Hiên Trọng Chiêu, Trần Thặng Phu, Tào Nguyệt Xuyên Đoan, Hà Lâm Khâu Kiều Tân.

Năm Kỷ Mão, niên hiệu Thiên Thuận thứ ba. Thượng thư Cao Xác là người trong sáng, tự xét mình. Cẩn thận giữ gìn công luận. Sau khi qua đời được tặng chức Thái Bảo, thụy là Văn Nghĩa.

Năm Canh Thìn, niên hiệu Thiên Thuận thứ tư, tại Thiểm Tây đá rơi như mưa, đập trúng rất nhiều người. Vả lại đá mà nói được, thật đáng kinh sợ.

Năm Tân Ty, niên hiệu Thiên Thuận thứ năm, Đế nói với Lý Hiên rằng: Trẫm dùng cơm ăn uống tùy phần chưa từng chọn lựa lấy bỏ. Y phục cũng tùy nghi. Dù có mặc áo vải, thì nhân dân cũng chẳng nói không phải là vua.

Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Thiên Thuận thứ sáu.

Tháng hai năm Quý Mùi, niên hiệu Thiên Thuận thứ bảy, Trường thi hội bị cháy, chết vài mươi sĩ tử. Đêm ấy trời tối, trong không trung phát ra âm thanh. Lý Hiên làm thơ truyền rằng: Không có hình mà có âm thanh, đó là trống của yêu quái.

Hồ Oanh là người liêm chính, thanh bạch, ít ham muốn, làm quan rất cẩn mật, ở triều sáu mươi năm, thọ tám mươi chín tuổi, tặng chức Thái Bảo, thụy Trọng An.



Năm Giáp Thân, niên hiệu Thiên Thuận thứ tám; tháng giêng Đế bị bệnh; không cho phép phi tần chôn theo Đế, là việc tăng thưởng đức phẩm. Ngày mười bảy Đế băng. Ngày hai mươi hai Hoàng Thái tử lên ngôi kế vị, đại xá thiên hạ.

Niên Phú là người thẳng thắn dám làm, sau khi chết được ban thụy là Cung Định. Tiết Hoàn thụy là Văn Thanh, có soạn Độc Thư Lục, trong đó có ghi rất nhiều danh ngôn.

Lý Hiền xin phục quan tước cho Vu Khiêm... để minh oan. Thạnh Ngung làm quan, có câu đồng dao là:

Trong như nước, sáng như gương.

Cổ Khê Thiền sư tên là Giác Trường, hiệu là Cổ Khê, người Uy Châu. Sư lễ ngài Thiên Huy Cổ Khê cầu xuất gia, xem đọc kinh sách của ba Thừa. Kế đến tham công án “Chữ Vô”; trụ chùa Hương Nghiêm ở Nam Dương. Sau được Sở Sơn Lão Nhân phó pháp nối tiếp đời hai mươi bốn dòng Lâm Tế. Sư lại đến trụ ở chùa Thiên Giới; khéo léo chỉ bày dẫn dắt, Từ bi giúp đỡ mọi người. Sư có soạn Được Sư Khoa Nghi ba quyển lưu hành ở đời.

Hiếu Tông Thuần Hoàng đế là con trưởng của Anh Tông do Châu thái hậu sinh ra. Đầu tiên được lập làm Hoàng Thái tử, khi Anh Tông bị bắt, ông mới hai tuổi. Chúa còn nhỏ thì nước biến, nên Thành Vương làm Giám Quốc phụ Chánh, chưa bao lâu Thành Vương lên ngôi, phong ông làm Tố Vương. Đến khi Anh Tông trở về lấy lại ngôi vị, thì lại lập ông làm Hoàng Thái tử, khi Anh Tông băng hà thì kế vị, tại vị hai mươi ba năm, thọ bốn mươi tuổi; phong thụy là: Kế Thiên Ngưng Đạo Thành Dụng Nhân Kính Sùng Văn Túc Võ Hoàng Đức Chí Hiếu Thuần Hoàng Đế, miếu hiệu Hiến Tông, táng ở Mậu lăng.

Tháng giêng năm Ất Dậu, niên hiệu Thành Hóa nguyên niên, con của Vu Khiêm dâng sớ minh oan cho cha, Đế thương xót khôi phục lại tước vị cũ và tế lễ ở mộ phần.

Trời mưa hạt lúa đen; động đất phát ra âm thanh. Sao chổi xuất hiện ở Tây Bắc, dài hơn ba trượng. Thứ cát Sĩ ở viện Tịch khoan chú giả phú thi rằng:

*Rỗng rang vắng lặng sống giới trai  
Một sớm tiêu trừ bệnh bản lai  
Trộm dùng của quan không bù được,  
Ngồi trong đình mát đọc sách y.*

Viên Cảnh Pháp sư người Phần châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, đi tham học khắp các trường giảng thuộc Hoa Nghiêm, mà ngộ được mật

chỉ các kinh. Sư thường đến thuyết pháp tại chùa Thạch Thất núi Diêu Lô, phủ Bình Dương. Một hôm Sư đến Ngõa Diêu Pha ở Bắc môn đục một hang đá như cái khám rồi vào đó ngồi im lặng, bỗng nhiên dặn dò đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Đại chúng hỏi ngày giờ, Sư đáp: “Ngày mai!” Sáng sớm hôm sau, Sư tắm rửa, thay y phục, đốt nhang, ngồi kiết già, thuyết kệ rồi thị tịch.

Nguyệt Giang Thiên sư tên là Giác Tịnh, người Cô Tô, cha họ Thẩm, mẹ là Nữ Thị. Sư xuất gia nơi ngài Trương Quách Cổ Chuyết, được trao cho công án “Niệm Phật”, sau đó tham vấn Hiện Sơn Đại Tông, ngài Đại Tông dạy đến tham kiến Đông Minh Tuệ Sảm, ở đây Sư đã khế ngộ, lại trở về núi Cổ Đạo trụ trong am Hoạt Lý. Đến năm Thiên Thuận Sư đến trụ tại viện Vĩnh Tâm ở thôn Tiểu Hồng, trải qua hai mươi năm.

Một hôm Sư nói với đệ tử là Đạo Lâm rằng: “Ta đi đây! Một y một bát là chánh pháp nhãn tạng!” Xong Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, tháp xây trong viện để tôn trí linh cốt.

Vô Cực Thiên sư húy là Hạo, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi mốt. Một hôm Sư tụng tâm kinh xong thì ngồi yên thị tịch.

Sư Tông Thắng húy là Dẫn trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi hai, hằng ngày thường lễ Phật, một hôm Sư nằm yên thị tịch.

Tháng ba năm Bính Tuất, niên hiệu Thành Hóa thứ hai, La Luân đỗ đầu kỳ thi Đình. Luân là người hiếu học thích cổ thư, đốc chí; chuộng phẩm hạnh.

Tháng mười hai Học sĩ Lý Hiền qua đời, được truy tặng Thái Sư, thụy là Văn Đạt.

Năm Đinh Hợi, niên hiệu Thành Hóa thứ ba.

Năm Mậu Tý, Thành Hóa thứ tư.

Năm Kỷ Sửu, Thành Hóa thứ năm.

Năm Canh Dần, niên hiệu Thành Hóa thứ sáu, Thượng thư Ngụy Kỳ qua đời, thọ chín mươi tám tuổi, thụy là Văn Tĩnh. Thượng thư Vương Cao qua đời, thọ tám mươi bốn tuổi, thụy là Trung Túc.

Năm Tân Mão, niên hiệu Thành Hóa thứ bảy.

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Thành Hóa thứ tám; vào tháng bảy có gió lớn và mưa đá, có tảng lớn như con trâu. Phía Bắc Ngũ châu, núi rống ba ngày rồi xé ra.

Năm Quý Ty, Thành Hóa thứ chín.

Năm Giáp Ngọ, Thành Hóa thứ mười.

Thiên sư Chánh Giác húy là Thành, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi

ba Sư là người trì giới rất tinh nghiêm, không bệnh mà thị tịch.

Sư Dụng Duật húy là Cư trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi tư, Sư tinh tấn thiền định, không biếng trễ. Một hôm Sư ngồi yên thị tịch.

Năm Ất Mùi, Thành Hóa thứ mười một.

Tháng bảy năm Bính Thân, niên hiệu Thành Hóa thứ mười hai, ở kinh đô có hiện tượng Hắc sảng, hình dạng như một làn khói đen, bay nhanh như gió, hoặc vào nhà theo cửa lớn, nó đến thì người đều hôn mê, mắt vàng đuôi dài, hình dạng giống như con Thái ly (chồn lớn)

Năm Đinh Dậu, Thành Hóa thứ mười ba.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Thành hóa thứ mười bốn, quan Tu Soạn La Luân qua đời, thụy là Văn Triệu.

Năm Kỷ Hợi, Năm Canh Tý, Năm Tân Sửu.

Năm Nhâm Dần, Thành Hóa thứ mười tám. Trần Hiến Chương tự Công Phủ, người Quảng Đông, xây dựng một ngôi nhà lấy tên là Dương Xuân hằng ngày đóng cửa ngôi im lặng trong đó để cầu minh tâm. Ông nói: “Xả cái trói buộc nơi người, tức cầu sự ước thúc nơi mình” Lại nói: “Vì học cần phải tịnh tọa trường dưỡng để xuất hiện ra mỗi manh, thì mới có chỗ thương lượng!”

Năm Quý Mão, năm Giáp Thìn, niên hiệu Thành Hóa thứ hai mươi, Hồ Cư Nhân, lấy sự trung tín làm gốc cho sở học của mình, lấy lực hành làm cốt yếu, nhân đó lấy tên là Kính, sau được mời làm chủ thư viện Bạch Lộc Động. Ông qua đời lúc năm mươi một tuổi: Ông có các tác phẩm: Kính Trai Lục, Cư Nghiệp Lục.

Năm Ất Ty, năm Bính Ngọ. Học sĩ Thượng Lộ là người khảng khái, tiết nghĩa, tận trung, hiểu rộng đến ngàn xưa. Qua đời được ban thụy là Văn Triệu.

Tháng tám năm Đinh Mùi, Đế băng hà. Ngày mồng sáu tháng chín Hoàng Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ.

Hiếu Tông Kính Hoàng đế là con trưởng của Hiếu Tông, do Kỷ Phi sinh ở Tây cung, phi thiếu sữa nên thái giám Trương Mẫn dùng cháo sữa mớm cho ăn, nuôi nấng chăm sóc rất cẩn thận, kỹ lưỡng. Sau Thái tử Diệu cung mất, người ở nội cung mới thầm truyền nhau là Tây cung có Hoàng tử đã được sáu tuổi, Vạn Quý Phi kinh lạ triệu vào điện Chiêu Đức, nhân đó được lập làm Thái tử. Khi Hiếu Tông băng hà, ông lên kế vị, tại ngôi mười tám, thọ ba mươi sáu tuổi. Mừng bảy tháng năm năm Ất Sửu băng hà ở cung Càn thanh. Trung phong hiệu là Đạo Thiên Minh Đạo Thành Thuần Trung Chánh. Thánh Văn Thuần Võ Chí Nhân Đại Đức Kính Hoàng Đế, miếu hiệu Hiếu Tông, táng ở Thái lăng.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Hoàng Trị nguyên niên, gia tằng Bình bộ Thượng thư Thiếu Bảo Vu Khiêm là quang lộc Đại phu Trụ Quốc Thái Phó, thụy là Túc Mẫn, lập nhà thờ ở mộ, mỗi năm xuân thu hai kỳ đều tế lễ.

Đại Xiển Thiên sư tên là Tuệ Thông, họ Thiệu, người Chánh Hòa. Năm mười hai tuổi sư lễ ngài Bảo Tích Ngọc Khê cầu xuất gia, tham vấn Châu Sơn chủ, được trao cho công án niệm Phật, hạ thủ lâu ngày mới triệt ngộ. Sau sư trụ ở Quân Phong tại Tiêu Dương, và thị tịch nơi đây.

Tuyệt Thiên sư húy là Thụy, người Nam Xương; đầu tiên Sư lễ Hòa thượng Kinh Môn Vô Thuyết cầu thế phát. Kế đó tham kiến Bảo Phong Đại Sư, hỏi đáp qua lại, cơ phong rất kết hợp, nên được trao cho ca-sa và phát tử. Sau sư trụ một ngôi chùa lớn ở Chung Lăng hoàng pháp. Người đến tham học rất đông.

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Hoàng Trị thứ hai. Trâu Trí tự là Nhữ Ngu, người Tứ Xuyên, đọc sách ở Long Am suốt mười chín năm mới phát sinh giải ngộ, người trong làng tranh nhau đến xem, ông buộc miệng đọc rằng:

*Trên núi Long Am cổ thụ sinh  
Chợt chọn Tam Ba đệ nhất danh  
Thiên hạ bao nhiêu điều khó hiểu  
Mọi người đâu cần phải sợ kinh.*

Sau luận nghị ông bị phản bác, liền nói thơ:

*Người đến bạc đầu rồi tử tận  
Chỉ cần sử sách địch ai chân.  
Trong mơ chẳng biết thân còn buộc  
Theo ngọn gió xuân đến cấm thành.*

Lại nói rằng:

*Vạch hết tâm can biết ngày nào.  
Vọng thấy áo quần chỉ may thôi  
Nguyện xin Thái Bình không một việc  
Cô thân vạn tử có chi sâu?*

Năm Canh Tuất đến năm Đinh Tỵ niên hiệu Hoàng Trị thứ mười, biên tu Đại Minh Hội Điển. Các tỉnh trời đều rền vang, đất chấn động.

Tháng sáu năm Mậu Ngọ, gấu vào kinh đô. Không bao lâu trong thành có hỏa tai, lửa cháy lan rất mạnh.

Trúc Phương Thiên sư húy là Nhị, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi lăm, thường thuyết pháp độ người. Một hôm sư ngồi yên thị tịch.

Đình Lễ Thiên sư húy là Thù trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi sáu, suốt mười năm sư chẳng ra khỏi chùa. Một hôm Sư an nhiên thị tịch.

Thiên Tài Thiên sư húy là Anh, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi bảy. Sư thường khuyên người niệm Phật. Một hôm sư niệm Phật rồi thị tịch. Tiêu Sơn Thiên sư, Tánh Không Thiên sư, Tĩnh Hạo Thiên sư, Ấn Tông

Thiên sư, Mặc Đường Thiên sư, Bảo Nguyệt Thiên sư, Thiên Huy Thiên sư, Cát Am Thiên sư, Lâm Lâm Ông, Dã Ông Thiên sư húy Hiếu, Bảo Phương Thiên sư húy Tiến, Nguyệt Huyền Thiên sư.

Năm Kỷ Ty, Hoàng Trị năm thứ mười hai.

Năm Giáp Tý niên hiệu Hoàng Trị thứ mười bảy, Trần Mậu Liệt soạn Dưỡng Mẫu Sớ, lược ghi rằng:

“Mẹ hiền già suy, tháng ngày như tên bắn. Nay người đã bảy mươi bảy tuổi. Ân vua khả dĩ còn có thể kịp báo đền, chứ tuổi mẹ chẳng còn bao nhiêu năm nữa. Vả lại một mẹ một con mà người chân trời kẻ nơi góc bể, ngàn suy vạn nghĩ chẳng lúc nào nguôi! Bệnh tật chí tự tử than, thuốc thang nào ai lo liệu? Thần đã nghĩ đến mẹ thì tâm báo chúa sẽ loạn động; mẹ hiền nhớ đến thần ý niệm giữ gìn sức khỏe sẽ yếu. Lòng thần thật đáng thương, tâm mẹ thật đáng lo ngại. Mong được dùng việc an ủi tựa cửa ngóng trông, để phần nào tỏ bày được tâm thốn thảo này; vả lại còn mong tương lai đáp được quả báo chốn trần ai, lại khi chưa chết bắt chước theo công lao hãn mã.”

Tháng năm năm Ất Sửu, niên hiệu Hoàng Trị mười tám, Đế bị bệnh, dặn dò các vị phụ thần xong thì băng hà ở cung Càn Thanh. Ngày mười tám hoàng Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ.

Võ Tông Nghị Hoàng đế là con trưởng của Hiếu Tông do Trương Thái hậu sinh ra. Năm mười lăm tuổi thì Thái Lăng băng hà ông lên ngôi, bây giờ ngày mười tám tháng giêng năm Ất Sửu, tại vị mười sáu năm, thọ ba mươi một tuổi, hiệu là: Thừa Thiên Đạt Đạo Anh Túc Duệ Triết Chiêu Đức Hiển Công Hoàng Văn Tư Hiếu Nghị Hoàng Đế, miếu hiệu Võ Tông, táng ở Khang lăng.

Tháng ba năm Bính Dần, niên hiệu Chánh Đức Nguyên Niên, sao rơi như mặt trăng, sét đánh ở giao đàn và điện Phụng Thân ở Thái miếu. Tháng bảy sao chổi hiện ở khu vực Sâm, Tinh, quét đến Thái Vi viên, sao Thái Bạch ngang qua bầu trời.

Chương Mậu đốc lòng với nghiệp lớn, thân thể khỏe mạnh, làm quan năm mươi năm, thọ hơn bảy mươi tuổi, thụy là Văn Ý. Lưu Đại Hạ là người thanh liêm, không mưu cầu danh lợi, làm quan đến hàm nhất phẩm thì về hưu.

Học sĩ Tạ Thiên, Lưu Kiện về hưu.

Vương Ngao người huyện Ngô làm Nội cơ vụ. Lý Đông Dương xin về hưu. Trương Nguyên Trinh gọi là Đông Bạch Tiên sinh.

Tháng tám năm Đinh Mão, niên hiệu Chánh Đức thứ hai, sông Hoàng hà bỗng nhiên trong, mây lành hiện ở khu vực của sao Dực sao Chấn, ứng với thế miếu mà sinh.

Năm Mậu Thìn, thủy tượng chiêm-đàn đến đây tính ra đã được hai ngàn năm trăm năm.

Tháng sáu năm Tân Mùi, Đế mới ưa thích Phật giáo, tự xưng là Đại Khánh Pháp Vương. Có tặng tấu xin một trăm khoảnh ruộng làm biệt viện cho Đại Khánh Pháp Vương.

Năm Nhâm Thân, sông Hoàng hà lại trong. Thanh Hà trong từ đoạn Liễu Gia Bồ trở xuống chín mươi dặm suốt năm ngày.

Mã Văn Thăng qua đời năm tám mươi bảy tuổi, tặng chức Thái Sư, thụy là Tĩnh Túc; Lý Đông Dương qua đời tặng chức Thái Sư, thụy là Văn Chánh.

Chùa Thạch Kim sơn do Chu Ninh xây dựng, vô cùng tráng lệ, Đế thân hành đến thăm.

Vương Tuyên Đình ở Thang Dục sơn.

Cổ Âm Thiên sư húy là Pháp Cầm, tự hiệu là Ngọc Tuyên Lão Nhân, họ Tế ở Hưng Hiền, mẹ họ Hoàng. Năm hai mươi lăm tuổi Sư lễ Xích Thạch Sơn chủ cầu xuất gia, học Phật pháp. Kế đến lễ ngài Đại Xiển, rồi tham yết các đại sĩ như Tánh Không, Tĩnh Hạo, Ấn Tông gắng sức quyết trạch. Sau được ngài Bảo Minh Thọ Đường ấn khả. Theo lời cầu thỉnh của Thụy Nham, sư thăng tòa thuyết pháp, khai thị rõ ràng. Sau sư trụ một ngôi chùa lớn ở Đẩu Phong, hoằng hóa một phương. Ngày sư thị tịch chim chóc buồn kêu, cá dưới ao vùng vẫy.

Sư có Đế Hồ Tập ba quyển lưu hành ở đời.

Vô Văn Thiên sư tên là Tư Thông, tự Vô Văn. Đầu tiên sư tham kiến ngài Độc Ông, kế đó cùng với Văn Phong, Nguyệt Sơn thiền định nhiều năm. Sau tham yết Ngọa Vân và Bất Hội để thỉnh ích. Sư có soạn bài tụng cái quạt rằng:

*Đưa lên rành rõ thật lạ thay! Gió  
mát hây hây thấu lòng này Trong  
đó không nhiều tin tức lắm Toàn  
thân tự có hỷ hoan ngay.*

Lại có bài tụng rằng:

*Đỉnh Cổ Vân Phong người khó thấy*

*Gặp gió đưa qua ánh ráng chiều  
Chim chóc chưa về trời đã tối,  
Đêm khuya như cũ vẫn hoa lau.*

Vân Phong Thiền sư, Xích Thạch Sơn Chủ, Bảo Minh Thiền sư, Nguyệt Sơn Thiền sư, Ngọa Vân Thiền sư, Bất Hội Thiền sư húy Ngộ, Vô Năng Thiền sư húy Giáo, Vô Dụng Thiền sư húy Khoan, Thiên Trì Thiền sư húy Xuân, Bạch Ngưu Thiền sư, Tuệ Đường Thiền sư, Bảo Châu Thiền sư.

Từ năm Quý Dậu đến năm Kỷ Mão, niên hiệu Chánh Đức thứ mười bốn, vào tháng sáu Ninh Vương Thần Hào làm phản, bắt đầu từ ngày mười sáu tháng sáu, qua tháng bảy Vương Thủ Nhân chinh phạt, đến hai mươi sáu tháng bảy thì tất cả đều bị bắt.

Tháng tám Đế hạ chiếu Nam Chinh.

Wương Thủ Nhân người ở Dư Dao Triết Giang, tự Bá An, hiệu là Dương Minh. Từ nhỏ ông đã thông minh, nổi tiếng về biện luận. đỗ tiến sĩ, được bổ làm Đề Đốc Quân Vụ, từng bình định giặc cướp, xướng nghĩa thảo phạt Ninh Vương, công nghiệp rất lớn. Ông đề xướng lương tri đạo học. Được vua phong tước Tân Kiến Bá.

Duyệt Tiền Thiền sư húy là Khải, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi tám, Sư luôn cười, không sân hận. Lúc lâm chung cũng cười mà thị tịch.

Thạch Song Thiền sư húy là Mân, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi chín, thích văn chương, đã chứng quả. Lúc lâm chung sư ngồi kiết già thị tịch.

Nguyệt Lâm Thiền sư húy là Cảnh, người Hàng châu thuở nhỏ sư đã thông minh khác thường, sư xuất gia từ lúc còn nhỏ, đến hai mươi tuổi thì cạo tóc, chuyên tu tịnh nghiệp, tham câu thoại “Bản lai nhân” lâu ngày mới tỉnh ngộ. Sư làm kệ rằng:

*Bản Lai Nhân hỏi Bản Lai Nhân!  
Không đâu không nào biết đâu tâm?  
Bỗng nhiên véo nhằm cái lỗ mũi  
Xem ra vốn dĩ là cùng dân.*

Từ đó tiếng tăm của Sư lan xa, đầu tiên trụ trì Kính Sơn đời tám mươi, tiến sĩ Trương Công Minh khen rằng: “Là linh chi tam tú, là cổ bách thập vi; đắc chánh độ nơi không truyền, nổi diệu pháp chốn Đông độ.” Lại nói: “Vượt chốn an nhàn về hạ giới hưng phát tượng giáo ở Trung Nguyên. Thừa tướng khai tuyển Phật trường, Hòa thượng xiển dương pháp xuất thế. Tùy dòng mà đi, gặp lối rẽ thì dừng. Mệnh cho

năm ấy Quốc Nhất cũng khởi hành từ Côn sơn, giống như Pha Tiên lúc xưa, cùng đến nơi phương trượng. Phàm bạn phương ngoại của ta đều tán thán vị Tăng này...”

Năm Kỷ Mão, niên hiệu Chánh Đức Sư thị tịch.

Tháng tám nhuận năm Canh Thìn, niên hiệu Chánh Đức mười lăm, Đế đến phủ đệ của học sĩ Cận Trách, bấy giờ linh cửu còn quàng tại nhà, Đế thân cúng điếu, lại sau vị Phiêu Tăng cùng đi tụng kinh cầu phước.

Năm Tân Ty, niên hiệu Chánh Đức mười sáu. La Khâm Minh người Giang Tây, sách ông soạn ra thật khó nhớ biết. Rất giỏi về Tánh Lý Học. Làm quan đến Thượng thư bộ lại. Thụ là Văn Trang.

Tháng hai Đế bị bệnh, ngày mười bốn tháng ba thì băng ở Báo phòng, rước trưởng tử của Hưng Hiếu Vương đến, lên ngôi hoàng đế đại xá thiên hạ.

Thiên Kỳ Thiên sư người Chung lãng, cha tên là Giang Đài, mẹ là Từ Thị. Năm Sư hai mươi tuổi nghe nói Hòa thượng Vô Thuyết Năng là bậc có đạo, nên đến lễ cầu cạo tóc, được chỉ dạy khán câu thoại đầu: “Một trở về đâu?” Sau được Dục Thủ Tòa khổ công dẫn dắt, ngày đêm bức ép, sư dụng tâm đến nỗi như mất thấy, tai nghe câu thoại, từng chữ phân minh, từng câu rành rõ, ngày đêm như nhất, một hôm hoát nhiên đại ngộ. Sư đến tham kiến Thiên sư Bảo Phong và được ấn chứng. Sư có để lại bộ Ngữ Lục Lưu Hành ở đời.

**Kiệt Phong Thiên sư dạy rằng:** Tin sâu thì nghi nhiều, nghi nhiều thì đại ngộ. Đề khởi câu thoại đầu, thì tất cả đều không quan tâm đến, đi tham, ngồi cứu, miệng niệm, tâm nghĩ, miên mật suy cho cùng, thời luôn nắm bắt. Bỗng một sớm mai đập nát khối nghi, thấy tận mặt, không còn phải nương gá đây kia.

Cổ Tâm Thiên sư, Đại Nhân Thiên sư, Nguyệt Ấn Thiên sư.

Thế Tông Túc hoàng đế là con trưởng của Hưng Hiếu Vương, cháu của Hiếu Tông. Hưng Hiếu Vương được phong ở đất An Lục thuộc Hồ Quảng. Ngày năm tháng tám năm Đinh Mão niên hiệu Chánh Đức, Đế sinh ở Vương phủ. Vương phụ mất Đế kế thừa lo việc nước; đến năm này Võ Tông băng hà, vì không có con, nên được lập nên kế vị Hoàng đế, tại vị bốn mươi lăm năm thọ sáu mươi tuổi, phong hiệu là Khâm Thiên Lý Đạo Anh Nghị Thánh Thần Tuyên Văn Quảng Võ Hồng Nhân Đại Hiếu Túc Hoàng Đế, miếu hiệu Thế Tông, táng ở Vĩnh lăng.

Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Gia Tĩnh thứ nhất, hủy bỏ tượng Phật ở Huyền Minh cung, thâu được một ngàn ba mươi lượng vàng. Đế lại



nghe lời Triệu Hoàng, phá hủy các chùa vị ở Kinh đô, Đồ Ứng Huân phát lệnh thi hành.

Tháng tám năm Quý Mùi, niên hiệu Gia Tĩnh thứ tư, Tấn Vương Kỳ Sóc, vì mẹ bị bệnh nóng sốt, nên cầu nguyện trời đất, bỗng nhiên dòng suối ngọt vọt lên, đem cho mẹ uống thì hết bệnh, do đó lập đàn Tiêu thù, có hai chim hạc bay đến lượn quanh đàn và kêu lớn. Sau mẹ mất ông vô cùng đau xót cảm cây bá cổ thụ trở hoa, tỏa hương thơm ngát.

Năm Bính Tuất, niên hiệu thứ năm, Đế viết mười hai chữ: “Pháp tổ an dân, phụng thiên hành đạo, phước thiện họa dâm”, ban cho quần thần. Đế lại soạn Kinh Nhất Châm, chú Phạm Tuân Tâm Châm và Thị Thích Ngôn Động Tứ Châm, ban cho các đại học sĩ, lại định Đại Lễ Toàn Thư làm Đại Điển của nhà Minh.

Giám Cổ Âm Ngữ, Hàm Xuân Đường Cảo.

Tháng năm năm Đinh Hợi, niên hiệu Gia Tĩnh thứ sáu, ở kinh đô có mưa tiền, tháng bảy ở Nam kinh có mưa máu, mặt trời có vầng sáng vây quanh, móng bạc hiện vắt ngang qua bầu trời.

Năm Mậu Tý, niên hiệu Gia Tĩnh thứ bảy, vua soạn một bài Châu mười sáu chữ: “Trác nhĩ chi kiên, nhất quán chi duy, học thánh quân tử, úc tai vật ngục”. (Kiến thức cao vời, tư duy xuyên suốt, quân tử học đạo, gắng lên chớ dối!)

Đề Đốc Lương Quảng quân vụ Vương Thủ Nhân, thu lại các ải của Lương Quảng, bình định được giặc cướp.

Bảo Phong Thiên sư, Nguyệt Thiên Thiên sư, Vô Tận Thiên sư, Cổ Xuân Thiên sư húy Kỳ, Hải Thiên Thiên sư, Sở Phong Thiên sư, Chi Nam Thiên sư, Nguyệt Khô Thiên sư và Chiếu Đường Thiên sư.

Năm Canh Dần, niên hiệu Gia Tĩnh thứ chín, lập Đồ khâu ở Nam giao (đàn tế trời ở cửa Nam ngoài thành), sau thành Hoàng cung; lập Phương trạch ở Bắc giao, phía Nam của Phương trạch là nhà thờ cúng Hoàng Đế; lập Triều Nhật đàn ở Đông giao, Tịch Nguyệt Đàn ở Tây giao.

Vương Thủ Nhân sau được ban thụ là Văn Thành, Hồ Thế Ninh thụ là Túc Mẫn, Dương Nhất Thanh thụ là Văn Tương, Quế Nhạc cũng thụ là Văn Tương, Trương Tổng Dịch tên là Phù Kính khắc in lại hai mươi mốt bộ sử hoàn thành. Năm Tân Mão lập Thanh Phúc đình, Thúy Phương đình, Cửu Ngũ trai, Hoàng Sử thành, Cẩm Phấn đình, Bảo Nguyệt đình, Tinh Nhất đình, Cung Mặc thất.

Năm Ất Mùi, Đế nói rằng: “Người có đức hạnh mới có thể làm

mô phạm cho đời, văn chương là nghề phụ”.

Cúng tế bảo vật của triều đình thành tựu. Phá bỏ điện Phật trong cung cấm, đồng thời đốt phá tượng Phật vàng ở điện Đại thiện.

Năm Kỷ Hợi. Trương Phù Kính là một vị hiền thần hy sinh vì nước, là một anh hào vang danh thiên cổ. Khi chết được tặng chức Thái Sư. Tế lễ chôn cất, con cháu thừa tập đều có gia phong. Đế tự định phép tắc đặt tên thụy, để quên thân phụng sự Hoàng đế. Thụy là Văn Trung, đặc gia ân cho thân quyến.

Tháng bảy năm Canh Tý, Phương sĩ Gia Triều Dụng thiêu cháy Thuật, được phong làm Tử Phủ Tuyên Trung Cao Sĩ, Thuật chết không nhận ra được.

Cố Đĩnh Thần người Côn Sơn, qua đời được tặng Thái Bảo, thụy là Văn Khương.

Hoắc Thao người Nam Hải, qua đời được tặng thụy là Văn Mẫn.

Tháng bảy năm Quý Mão, sao Hỏa vào khu vực sao Nam Đẩu. Giang Nam hai tiền một đấu gạo.

Năm Giáp Thân, ba sao Mộc, Thổ, Hỏa tụ ở sao Phòng. Tháng sáu sao Hỏa phạm vào sao Nam Đẩu.

Năm Đinh Mùi, người con gái ở Đại Đồng năm lên mười bảy tuổi tự nhiên biến thành nam.

Tháng mười, Hạ Ngân nói: “Chết ở Tây Thị rất tốt, được lên thiên đình từ biệt Tể tướng rồi xuống nhân gian làm Thần Tiên”.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Gia Tĩnh thứ ba mươi.

Năm Nhâm Tý, niên hiệu Gia Tĩnh ba mươi một, tháng mười một Dương Kế Thịnh chuyển đổi quan vị.

Năm Quý Sửu, Dương Kế Thịnh dâng sớ kể mười tội chuyên chánh hại quốc của Nghiêm Tung, vợ khuyên đặt “Quý hiệu”, do đó bị hạ ngục, tra khảo, sử tội chết.

Mùa Đông năm Ất Mão, Dương Kế Thịnh đến triều để tra xét, dân chúng đứng hai bên đường cùng nhau chỉ vào ông mà nói rằng: “Đó là nghĩa sĩ trong thiên hạ”. Ông nghe vậy bèn ngâm bài thơ rằng:

*Gió thổi gông cùm tỏa ngát hương,  
Người đến nhìn ta chật phở phờng  
Nào muốn đồng tôn là nghĩa sĩ.  
Khá thương Trường Bản gặp Quân Vương.  
Vua sáng đức dâng như trời đất,  
Đình Úy chết danh vượt Hán Đường  
Tử đức trở về, vui sinh đến,*

*Thân này vốn chẳng thuộc họ Dương.*

**Ông còn nói rằng:** “Nếu chôn máu của ta, sau ba năm sẽ biến thành ngọc bích, dưới đất đó ắt có; vì do báo ứng sinh ra”.

Canh Thân, ở Ninh Hạ có động đất, Gia Hưng, Hồ châu chấn động mạnh, nhà cửa rung rinh như cánh bướm.

Thượng thư bộ công là Lưu Lân qua đời, được tặng chức Thái Phó, thụy là Trung Thanh.

Pháp Chu Thiên sư hứ Đạo Tế, tự Pháp Chu, người làng Tư Hiền, họ Trương. Năm hai mươi tuổi Sư vào chùa Thiên Ninh làm hành giả, siêng năng hầu hạ Thiên sư Mặc Đường Tuyên, kế đến phụng sự Ngài Cát Am Tộ, ngày đêm thưa hỏi. Một hôm nghe tiếng khánh nơi điện Phật, hoát nhiên khai ngộ, được ấn khả. Sư lại tham yết các ngài Cổ Ấn, Vân Phong, sở chứng ngày càng đạt đến chỗ sâu xa. Sư lần lượt trụ tại các chùa như Giác Vương, Cảnh Đức, Song Kế. Đầu năm Gia Tĩnh Sư ra khai pháp ở chùa An Ấn ở Kim Lăng. Một hôm có vị Tăng hỏi rằng:

- Thế nào là cảnh an ổn?

- Mất nửa Tam sơn rơi ngoài trời xanh, một trong Nhị thủy ở tại vực Bạch lộ. Sư đáp.

- Thế nào là gia phong của an ổn?

- Hồ đá đánh nhau trước núi, trâu đất ngủ dưới đáy sông.

Kế đó Sư đến Dương Tiện, trở về Lý Vân trụ các chùa Thiên Ninh, Linh Quang. Sư lại xuôi thuyền đến Nam Hồ, thuận buồm du lãm cảnh quan, sau Sư vào trụ nơi Biện Sơn ở Ngô Hưng. Cuối cùng trở về Thiên Ninh đến trọn đời. Sư trì chú rất linh nghiệm, có thể làm giếng khô thành suối nước, đặc biệt khiến phạm Tăng tạm trú, kêu nhái ếch đến bên cửa nghe tụng kinh, thần nhân vào nhà hộ trì, sau lại tự tại cười đùa, mắng chửi, tùy ý điều khiển, không ai có thể biết được. Mùa thu năm Canh Thìn Sư có chút bệnh mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi hai hạ lạp, thờ linh cốt ở một thất riêng. Sư có pháp ngữ kệ tụng để lại, gọi là Thặng Ngữ.

Năm Tân Dậu, niên hiệu Gia Tĩnh thứ bốn mươi, Đế hỏi Tiên thuật nơi một dị nhân, được trao cho Phù lục bí phương.

Năm Nhâm Tuất Nghiêm Trung về quê, gia tài bị sung quân.

Năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Tĩnh thứ bốn mươi hai.

Ngọc Chi Thiên sư hứ là Pháp Tụ, hiệu Nguyệt Tuyên, họ Phú, người Gia Hòa, mẹ là Phùng thị. Thuở nhỏ Sư theo Nho học, thông suốt các sách, theo hầu hạ Vương Dương Minh Tiên Sinh, đạt được yếu chỉ “Lương Tri”. Sau Sư xuất gia, tham yết Thiên sư Mộng Cư trình hai bài

kệ rằng:

*Ánh hồ nương gá ba ngàn khoảnh  
Sắc núi mở ra năm sáu tầng.  
Chạm mắt xưa nay thành hiện thực,  
Chẳng tọa bồ đoàn luyện không ngờ  
Cảnh sắc phô bày chốn an cư  
Đất bằng ai dám nói thân sơ  
Dẫu có Đạt Ma truyền tâm ấn  
Mật mờ chẳng biết hấn là ai!*

Rồi hỏi đáp rất nghiêm cẩn thiết tha, do đó mà liễu ngộ. Sư kết am tranh ở Kính sơn ẩn tu, vì dưới tòa có mọc cỏ cho nên mọi người gọi Sư là Ngọc Chi Hòa thượng. Sau Sư trụ ở núi Thiên Trì đến cuối đời. Các bậc Nho học đương thời như Nhất Am Đường, Long Khê Vương, Bạch Thạch Tế, vào núi tìm Sư để chứng nghiệm yếu chỉ Nho Thích đạo đồng. Sư đề nghị Tế Công. Quách Nhiên Đường nói rằng: “Nho nói đại công thì thích nói vô tránh, chẳng hai chẳng một, bóng trăng trong nước, gương hư không, tâm chẳng phải đồng với vật, vật chẳng thể sách cùng ngã. Hải ấn sum la, lặng lẽ thì có cảm được cái ứng này, đó là diệu viên. Sư ngăn lại và nói: “Chỉ có Chánh định!”

Năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Tĩnh, Sư thị tịch. Có để lại Ngũ Lục lưu hành ở đời.

Vân Đình Thiên sư húy là Chánh Tông, trụ ở Thiên Trì, là bạn đạo với ngài Ngọc Chi. Sư thấu triệt được tâm tông, hiểu sâu giáo lý, phóng khoáng ngay thẳng, có phong cách của người xưa. Sắp thị tịch, tắm rửa sạch sẽ, ngồi kiết già trước Phật, lấy giấy bút viết kệ rằng:

*Sáu mươi bốn năm đứng chánh Tông  
Hôm nay đặc biệt hiển gia phong  
Năm uẩn cấu trần đều tẩy sạch  
Thiên trì, ánh nguyệt rạng trời không.*

Mộng Cư Thiên sư trụ tại núi Bích Nham ở Kim Lăng, là thầy đắc pháp của Ngọc Chi. Lúc tiếp ngài Ngọc Chi đọc hai bài kệ trên, Sư quát rằng:

- Chẳng phải! Chẳng phải! (phi, phi)

Ngọc Chi nói:

- Vì sao chẳng phải chẳng phải?

Sư đáp:

- Ông chẳng phi phi, còn ai thì phi phi? Lương Võ đế và Đạt-ma đều chẳng thấy cơ, cần gì phải bẻ cành lau, lại bảo người đuổi theo; xưa

cũng thế, nay cũng thế, đều rơi vào phép tắc của người.

Ngài Ngọc Chi lại hỏi:

- Làm thế nào chẳng rơi vào phép tắc của người?

Sư liền đánh một thoi và nói:

- Đây là rơi hay chẳng rơi? Ngài Ngọc Chi liền lễ bái.

Vô Hà Thiền sư, Phật Giám Thiền sư, Phi Huyền Thiền sư, Hội Nguyên Thiền sư, Đạo Trí Thiền sư, Tịnh Giới Thiền sư.

Vạn Tòng Thiền sư tên là Tuệ Lâm, hiệu Vạn Tòng, họ Thắm, người Nhân Hòa, xuất gia ở chùa Pháp Luận. Đầu tiên Sư lễ Bình Dã lão nhân ở Thiên Mục mà được nghe tâm yếu. Sau Sư đến Kinh đô, dự nghe khắp các trường giảng, nghiên cứu đến chỗ huyền áo. Sư đến lễ ngài Không Huyền Tẩu để trình kiến giải và được nối pháp. Sau Sư đến núi Chư Ký, rồi đến Kính sơn tiếp dẫn người học. Lúc sắp tịch sư viết kệ:

*Bảy mươi bảy năm qua  
Tông tích đâu nương giá  
Vốn chẳng có đến đi  
Chỉ ứng duyên mà đến.*

Tháp xây ở Truyền Y am, Xương Bồ điều.

Tháng năm năm Giáp Tý, ban đêm Đế đang ngồi nơi sân, trong phòng bỗng nhiên nhật được một hạt đào, sáng ngày nhật được một hạt.

Tháng ấy thổ trắng lại sinh ra hai con, không bao lâu nai cũng sinh hai con. Quần thần dâng biểu chúc mừng. Đế ban chiếu đáp.

Năm Ất Sửu. Phương sĩ Hùng Hiến, người Giang Tây dâng một bộ Pháp Thư gồm sáu mươi sáu quyển. Đế triệu kiến ban cho mũ, đai, vàng bạc mà trở về. Lại Triệu Thiêm Thọ dâng phù pháp gồm ba mươi sáu bản cũng được Đế ban mũ, đai, rồi cho trở về quê.

Năm Bính Dần, niên hiệu Gia Tĩnh thứ bốn mươi lăm. Hải Thụy người Quảng Đông, dùng lời nói thẳng viết sớ dâng lên Đế, Đế hạ chiếu giam vào ngục, các quan trong ngoài đều kinh sợ. Hải Thụy là người nổi tiếng chánh trực. Ngày mười bốn tháng mười hai, Đế băng hà ở Càn Thanh cung, Dụ Vương kế vị. Hải Thụy ở trong ngục nghe tin Đế băng hà, thì vô cùng xúc động, chết đi sống lại, khóc suốt đêm không ngủ.

Mục Tông Trang hoàng đế là con thứ ba của Thế Tông, đầu tiên được phong làm Dụ Vương, Thái tử mất, Đế băng hà, ông được kế vị. Ở ngôi được sáu năm, đến ngày hai mươi sáu tháng năm năm Nhâm Thân thì băng hà. Phong hiệu là Khế Thiên Minh Đạo Uyên Ý Khoan Nhân

Hiển Văn Quang Võ Thuần Đức Toàn Hiếu Trang Hoàng đế, miếu hiệu Mục Tông, an táng ở Chiêu lăng. Thọ ba mươi sáu tuổi.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Long Khánh Nguyên niên, Trần Dĩ cầu dâng lên Đế mười việc phải cẩn thận lúc khởi đầu là: Định chí, bảo vị, úy thiên, pháp tổ, ái dân, sùng lễ, lâm quyền, dụng nhân, tiếp hạ, thính ngân.

Vua hạ chiếu tước bỏ quân tước của Chân nhân Thiệu Nguyên Tiết, Đào Trọng Văn, ban cáo mệnh phá nhà bia, tịch thu điền sản.

Phong tặng Dương Kế Thạnh là Quang lộc Tự Thiếu Khanh, thụ là Trung Mẫn, con là Ứng Vĩ làm Quốc tử sinh.

Tháng mười một sao Kim vào khu vực của Nam đầu.

Tháng mười hai trời trong vang. Sao băng lớn như cái chén, kéo đuôi sáng dài hơn ba trượng.

Kinh Sơn Pháp sư húy là Kha, từng hội tập ba bản dịch kinh Lăng-già để tiện việc xem đọc cho người học. Vào năm Long Khánh thứ nhất, Sư hoằng pháp ở Phi Anh tháp viện tại Hồ Thành. Đệ tử truyền pháp là Thứu Nham Thiên Cơ...

Ngu Xuyên Thiên sư húy Chân Tuệ, họ Phù, người Trĩ thành. Đầu tiên sư hầu hạ ngài Cảnh Không ở chùa Lộc sơn, chép mười hai bộ kinh Pháp Hoa, cúng dường đến các chùa. Lễ sám ba nghiệp thanh tịnh, lâu ngày có cảm, trí tuệ siêu việt. Sư đến Thiên Trì tham lễ ngài Ngọc Chi, được trao cho công án “vạn pháp”, nhất tâm tham cứu, viết hai chữ Vô Thường ngay trên án, tay cầm giới phách để cảnh tỉnh lúc hôn trầm, tán loạn. Lâu ngày tỉnh ngộ, được ngài Ngọc Chi ấn khả.

Sau sư làm Thủ chúng nơi pháp tịch của ngài Kinh Sơn ở Phi Anh, bị quan huyện lệnh bức bách, sư quyết giữ giới mà tịch, có để lại kệ rằng:

*Vô minh giống khổ cây khi nào  
Mà nay tụ hội bức xiết bao?  
Đau xót vì chưa không sắc uẩn  
Vui nhân bởi biết được an hòa  
Hoa trời chẳng rải trong không ấy  
Trống canh chỉ đánh lúc trăng qua.  
Có ai trốn được phần định nghiệp.  
Thân này sống chết mặc do tha.*

Sư thọ bốn mươi sáu tuổi, có Ngu Xuyên Cảo.

Vân Cốc Thiên sư húy Pháp Hội, họ Hòa, người Gia Thiện. Đầu tiên Sư học giáo Du-già ở chùa Đại Vân tại Gia Hòa, kế đó tham kiến

ngài Pháp Chu Tế ở Thiên Ninh, được chỉ dạy rằng: Người học đạo nên lấy ngộ làm chủ; đồng thời trao cho công án chữ “Thùy” (ao?). Sư gia công tham cứu, một hôm ăn cơm, chén rơi xuống đất mà tỉnh ngộ. Sư trụ ở Tổng Quế am, Thiên Khai nham, có người hỏi rằng: Thế nào là ý từ Tây Thiên đến?

Sư đáp:

*Có nước thì trăng đều hiện  
Không núi nào mây chẳng vờn.*

Sư lại thị chúng rằng: Người xưa nói suốt ngày ăn cơm mà chẳng nhai một hạt gạo, suốt ngày đi trên đường mà chẳng bước qua một tấc đất, dụng tâm như thế mới có phần tương ứng.

Sư trụ tại Thê Hà, từng chỉ dạy Viên Liễu Phàm về huyền đàm lập mệnh.

Tháng ba năm Mậu Thìn, niên hiệu Long Khánh thứ hai lập Hoàng thái tử. Tháng năm Lý Lương Vũ ở Thiểm Tây biến thành phụ nữ (bán vợ con). Trương Cư Chính dâng lên Đế sáu việc như chấn chỉnh kỷ cương, củng cố quốc gia, xây dựng quân đội.

Năm Kỷ Ty, niên hiệu Long Khánh thứ ba, Cao Cửng kiêm chức Thái sư Thượng thư học sĩ được vào nội các tham dự việc cơ mật, quản lý việc ở Bộ lại. Hải Thụy làm Thiêm Đô Ngự Sử, Tổng Lý Tào Vận, Tuần phủ Ứng Thiên.

Tháng tám năm Canh Ngọ, niên hiệu Long Khánh thứ tư, các phủ Triết Giang, Hồ châu núi lở thành sông. Hoàng hà vỡ đê, một vùng ba trăm dặm ở Tiểu hà khẩu đều ngập, núi lở thành sông chìm mất vô số người và ruộng lúa.

Năm Tân Mùi niên hiệu Long Khánh thứ năm, ở Triết giang, Hàng châu, cây dễ sinh cành đào. Tế Nhữ Hiền nói: “Dương yếu ớt mới sinh, thì cần phải dứt dục để dưỡng tâm an tĩnh”. Dương Cư Chánh từ Thiếu phó thăng làm Thái tử Thái sư, Thượng thư bộ lại, Kiến Cực Điện đại học sĩ.

Tháng tư năm Nhâm Thân, niên hiệu Long Khánh thứ sáu, ở Triết giang vầng khí đen hiện lúc ban ngày. Hàng châu, trong đám sương màu đen có một vật như bánh xe lượn qua lại, ánh trắng, sấm chớp, mưa đá theo đó mà giáng xuống.

Tháng năm, giếng nước Long Mục ở Nam Trực Lệ hóa thành rượu. Ngày hai mươi sáu tháng năm Đế băng hà ở cung Càn Thanh. Tháng sáu, Hoàng Thái tử kế vị. Thần Tông Hiến Hoàng đế là con trưởng của Mục Tông, do Lý Quý phi sinh ra. Năm mười tuổi Mục Tông

bằng hà, ông tức vị, ở ngôi bốn mươi tám năm. Ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Canh Thân thì bằng hà, thọ năm mươi bảy tuổi, hiệu là Phạm Thiên Hợp Đạo Triết Túc Đôn Giản Quang Văn Chương Võ An Nhân Chỉ Hiếu Hiển Hoàng Đế, miếu hiệu Thần Tông, táng ở Khánh lăng.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Vạn Lịch Nguyên Niên, Đế nói với Trương Cư Chánh rằng: “Trăm may mắn được khanh tận tâm phụ giúp!” do đó mà ban cho vàng bạc. Cư Chánh khóc lạy tạ ân. Cư Chánh dâng Giám đồ lên Đế, chỉ đại nghĩa. Đế vui mừng lộ rõ.

Minh Long Thiên sư họ Dao, người Hoài Nam, tên là Đông Dương, từng được bổ dạy ở trường học Huyện nhà, rất thích đọc sách. Đầu tiên Sư lễ Hòa thượng Đại Quang cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, kế đó đến trụ tại am Tú Phong ở Dương sơn, hằng ngày chỉ một nạp y, các người giàu có ở Chư Lăng đồng đến giúp đỡ. Mộc Ninh Ưông, Tư Mã Đạo Côn nghe tiếng sư, nên đến cung kính chiêm lễ. Hỏi rằng: “Có thể là thường trụ chăng?” Sư đáp: “Không thường không trụ!”

Các vị ấy cáo từ trở về.

Đêm trừ tịch, sư tập chúng dạy rằng: “Ngày mồng một năm mới ta sẽ đi!” Nửa đêm Sư bảo đệ tử nhìn Trung tinh (một ngôi sao) mà nói rằng: “Giờ Ngọ ngày mai ta mới đi!”

Sáng mồng một Tết toàn khu Dương sơn phóng ánh sáng năm màu, đến giữa trưa, sư từ biệt đại chúng rồi thị tịch. Toàn chúng hưởng theo ánh sáng mà lễ bái đồng thời kêu lên rằng: “Đức Phật! Đức Phật! Cầu xin ánh sáng này chiếu khắp hạ giới!”

Uông Công làm bài minh về Sư.

Năm Giáp Tuất, niên hiệu Vạn Lịch thứ hai, phong Ngô Nhạc làm Nam kinh Lại bộ Thượng thư. Nhạc là người trong sạch, tiết tháo trên đời ít có, chỉ có ngôi nhà tranh, mấy mảnh ruộng bạc màu. Hằng ngày chỉ một mình ngồi im lặng trong ngôi nhà, xem đọc vài quyển thiền kinh, chẳng tiếp khách, đi đâu chỉ cưỡi một con lừa, vô cùng đơn giản. Có người muốn lập một ngôi chùa trong cung để làm nơi Thánh thượng khói nhang tu tập, ông khéo léo dâng sớ can ngăn.

Ngày mồng một tháng mười năm Đinh Sửu, Vạn Lịch thứ năm, sao Chổi xuất hiện ở khu vực giữa sao Đẩu và sao Ngưu, đuôi chỉ vào sao Vụ nữ, dài mấy mươi trượng, tia sáng chiếu rực trời giống như lụa, khí biến thành mống bạc. Hoàng cung phát hỏa.

Trâu Huỳnh Tiêu nói: “Thân mặc gấm nhung, tâm đồng dê chó!”.



Biện Dung Thiền sư, đầu tiên sư trụ ở Lô sơn, chứng được Pháp Hoa Tam-muội, đắc pháp môn Đại giải thoát; sau vào kinh làm đại Phật sư, hóa độ các loại căn cơ, Vương, Công, Đại thần đều tôn ngưỡng kính phục. Vân Thê đại sư cùng với đại chúng đến tham kiến, sư nói: “Chẳng nên tham danh cầu lợi, chẳng được theo vào cửa quyền quý, chỉ chuyên tâm hành đạo, chân thật trì giới và niệm Phật”.

Tiểu Nham Thiền sư thuộc dòng dõi thế tộc ở Yên kinh, cha là Ngô Môn, mẹ là Đinh thị. Sư xuất gia năm hai mươi tuổi lễ Hòa thượng Đại Tịch Năng làm thầy, kế đó tham vấn khắp các bậc thiện tri thức, tiến tu mà được khai ngộ. Sau sư lánh mình trong một xóm nhỏ ở Kinh đô, ít tiếp kiến người, Vân Thê đại sư từng đến đây hỏi pháp, hai bên rất khế hợp, sư thâm trao tâm yếu cho ngài Vân Thê. Sư có để lại Tiểu Nham Tập bốn quyển lưu hành ở đời.

Tố Am Pháp sư húy là Châu Tiết, hiệu Tố Am, người Tương Dương, lúc nhỏ là nho sinh ở quận nhà. Bỗng nhiên căn lành kiếp xưa phát khởi, Sư cắt ái từ thân, lễ Hòa thượng Minh Hư cầu xuất gia, sư đến Yên kinh vào làm môn hạ Pháp sư Tú, đạt được sâu xa ý chỉ Hiền Thủ. Nội ngoại điển đều thông, được xem là bậc long tượng. Thời gian lâu sau mới trở về, trụ trì chùa Thê Hà, học chúng trên ba trăm vị. Sư chỉ dạy đầy đủ Tam quán, Ngũ thừa. Sư trụ ở đây mười năm, các danh sĩ có tiếng tăm như Lục Ngũ Đài, Lý Thạch Ly... đều kết bạn phương ngoại với sư. Sư giảng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Hiện Bảo Tháp, bỗng nhiên trên hư không bảo tháp hiện ra trước tòa, như lời kinh đã dạy. Đại chúng đều trông thấy, thật là việc hy hữu. Quan trung sứ tâu trình, Từ Thánh hoàng Thái hậu triệu kiến, đồng thấy được điềm lành này. Do đó bèn ban cho Sư một bộ y Tăng-già-lê thượng phương kim lữ, đồng thời xây ở phía Tây giảng đường một ngôi chùa để hiển dương thần hóa. Uông Đạo Côn có ghi chép việc này.

Năm Canh Thìn, niên hiệu Vạn Lịch thứ tám, trên tảng đá kê trụ phía Tây điện Văn hóa có bốn chữ “Thiên Hạ Thái Bình”, chùi lau chẳng mất. Trương Cư Chánh bèn nói: “Đây là điềm lành, thỉnh Thánh thượng đến xem!” Đế trông thấy liền nói: “Đây là việc hư giả!” không vui mà trở về.

Vô Thú Lão Nhân húy Như Không, người Tú Thủy, họ Thi, tục hiệu là Tỉnh Trai. Sư chuyên tâm đến nội điển, chí mẫn mộ Tổ đạo, cùng với bạn bè là Tề Pháp Chu đi tham học khắp nơi trong tám năm, tham yết Thiền sư Dã Ông Hiểu, được trao cho câu thoại đầu: “Một trở về đâu?” Sư dốc sức hạ công, một hôm nghe tiếng gà gáy mà tỉnh ngộ,

liền đến xin ấn chứng, được ngài Dã Ông chấp nhận truyền trao y pháp và bài kệ rằng:

*Chẳng pháp chẳng phải chẳng pháp,  
Chẳng tánh chẳng phải chẳng tánh,  
Chẳng tâm chẳng phải chẳng tâm  
Nay trao tâm pháp cho ông rồi!*

Sau khi cạo tóc xuất gia, sư trụ ở Kính Úy, ngày sáu tháng tám năm Canh Thìn, niên hiệu Vạn Lịch sư tịch, thọ chín mươi tuổi, sắp tịch sư nói kệ rằng:

*Sinh đến chết đi như không hoa  
Chết đi sinh đến như giấc mộng  
Thân hôi thối này trao bính đình  
Xương trắng trôi theo dòng Đoạn Kiều  
Nay đưa trăng thanh cùng gió mát.*

Năm Đinh Hợi. Hải Thụy là một người thanh liêm, cương trực, nắm pháp luật, giữ công lý, qua đời trong lúc đang làm quan, được vua tặng hiệu là Thái tử Thiếu Bảo, thụy là Trung Giới, lại sai hành nhân hộ tống linh cữu về quê an táng. Các sĩ đại phu gom góp vàng bạc khâm liệm, tất cả dân chúng lớn nhỏ đều tụ tập khóc lóc tiễn đưa cả trăm dặm chẳng dứt.

Thiên Tông Thiền sư húy là Minh Đắc, hiệu là Nguyệt Đình, đắc pháp nơi Pháp sư Vạn Tông, nên lấy hiệu là Thiên Tông. Sư họ Chu, người Ô Trình, Hồ châu, năm mười ba tuổi xuất gia tại am Khánh Thiện ở Song Lâm thuộc quận nhà. Đầu tiên Sư tham yết Bách Xuyên Hải Công nhưng không khế ngộ, kể đến gặp Vạn Tông Thiền sư, được trao cho yếu chỉ Lăng-nghiêm, sư nỗ lực tham cứu mà tỉnh ngộ, bèn làm kệ rằng:

*Trong kinh Lăng-nghiêm chẳng có kinh  
Thấy mặt đâu cần hỏi tánh danh  
Tháng sáu mùa hè như lửa đốt  
Mùa đông tháng chạp lạnh như băng.*

Sư còn đạt được yếu chỉ Hoa Nghiêm. Một hôm mộng thấy đạo chơi nơi thế giới Đâu-la-miên, thăng tòa giảng kinh thuyết kệ rằng:

*Từ xưa vốn đã không  
Thì nay đâu từng có  
Trên đầu lòng hiển hiện  
Hư không mở miệng cười.*

Quát một tiếng, hạ tòa.

Thức dậy Sư kể lại với ngài Vạn Tông, ngài Vạn Tông nói rằng:  
- Đó là sức Thánh thâm gia bị cho ông.

Sau sư trụ nơi ngọn Lăng Tiêu ở Kính sơn, dốc sức Kham cứu. Sư có thuyết kệ rằng:

*Trúc biếc ngàn năm, vạn tuổi tông  
Cành cành lá lá thật Tổ phong  
Vân nhạc cao xanh là nơi trụ  
Vô ngôn, trời rộng thấy đều đồng.*

Mùa thu năm Đinh Hợi niên hiện Vạn Lịch, sư nói với đại chúng rằng: “Ta vì các ông mà chuyển pháp luân Thủ-lăng-nghiêm, để làm lời khai thị cuối cùng, không còn lần nào chuyển lại cho các ông nữa!” Mùa đông năm ấy Sư thị hiện có bệnh, qua ngày mười bảy tháng giêng năm sau, Sư nằm theo thế cát tường mà tịch. Thọ năm mươi tám tuổi, bốn mươi sáu hạ lạp, trà-tỳ, xây tháp thờ ở Kính sơn.

Ly Đình Thiên sư tức là Thích Tổ Trụ, tự Huyền Y, hiệu Ly Đình, người Đơn Hồ, họ Dương; mẹ sư là Chu thị, một hôm nằm mộng thấy vị Tăng vào nhà mà có thai sinh ra sư. Năm mười ba tuổi, sư vào núi Long Phan nương Hòa thượng Triệu Dương học tập các bộ kinh lớn là Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sau khi cạo tóc xuất gia và thọ giới Cụ túc, sư đã thông hiểu ý nghĩa các kinh. Sư đến Thiếu Thất tham bái Hòa thượng Đại Chương, rồi đến Phục Ngưu tham yết ngài Cao An, đến kinh đô lễ hai vị Thiên sư là Tông và Tú, đạt được yếu chỉ thanh lương, lại vào chùa Vạn Thọ cũng tại Kinh đô giảng Hoa Nghiêm Đại Sao, đến phẩm Nhập Pháp Giới, tự nhiên mặt đất chấn động, trời mưa hoa báu, bấy giờ có các ngài Vô Cực, Diệu Phong, Thừa Ân đồng dự hội.

Ngày hai mươi hai tháng chín năm Đinh Hợi, niên hiệu Vạn Lịch, sư tắm gội xong ngồi kiết già nói kệ rằng:

*Hư không chẳng có mặt mày  
Không vị mà gượng lập bày  
Thoại đâu với chẳng thoại đâu  
Chốn chốn đều là Như Lai.*

Lại nói tiếp:

*Năm nay sáu mươi sáu  
Chẳng biết làm việc gì  
Ôi! Các người ghé mắt  
Nhìn xem tin tức này  
Phật tổ đã đến rồi  
Dùng nó cũng chẳng được.*

Nói xong thì thị tịch, thọ sáu mươi sáu, năm mươi bốn hạ lạc. Tháp thờ xây phía Bắc ngọn Liên Hoa.

Đại Trí Thiên sư là bậc lập chí vững chắc, siêng năng tu tập, giới luật tịnh nghiêm. Đầu tiên sư trụ tại Hải Triều am ở Phổ Đà, thời gian lâu sau, sư trùng kiến trở thành một ngôi chùa lớn, thu nhận hơn một ngàn chúng. Người khắp nơi đến dâng hương đảnh lễ Đại sĩ, được chiêm ngưỡng một lần là điều may mắn. Đàn-việt cúng dường rất thịnh, phước duyên to lớn. Triều đình giáng chỉ ban vải lụa, Lộ Vương dâng y, nghiêm nhiên có một đại sĩ hiện trong núi này. Sư có đệ tử là Thiên Nhiên ở Thiên Bộ Sa, có thể bước trên dây mà đi, là người chấn chỉnh Tây phong hưng thịnh sau này.

Lý Trác Ngô hứ là Chí, làm quan đến chức Thứ sử, sau từ quan thế phát xuất gia, trụ trì Long Hồ, lãnh chúng tu học. Sư là người hào sảng, thông minh, soạn thuật rất nhiều, như Hoa Nghiêm Hiệp Luận Giản Yếu và Phần Thư mấy quyển, phần nhiều luận về Phật pháp lý tánh...

Năm Mậu Tý, niên hiệu Vạn Lịch thứ mười sáu. Sông Hồn hà đến từ Tây bắc, tức sông Cổ tạc càn, xuất phát từ Thiên Tân ở Lô Kiều chảy thẳng ra biển. Sông Hoàng hà phát nguyên từ Côn Lôn, chảy vào Trung Quốc qua mấy ngàn dặm, các sông nhỏ đều đổ vào đây gây nguy hại rất lớn.

Tượng Tiên Thiên sư trụ chùa Từ Vân ở Thiên Thai, tên là Thích Chân Thanh, hiệu Tượng Tiên, họ La, người Tương Đàm, Trường Sa. Lúc mới sinh ra, sư đã đĩnh ngộ lạ thường. Vừa lớn lên, ngày có thể đọc vài ngàn lời kinh sử, suốt đời chẳng quên một chữ. Năm mười lăm tuổi, sư được bổ dạy ở trường quận nhà. Năm mười chín tuổi, sư lễ Hòa thượng Bảo Châu ở Nam nhạc cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sư khấn câu thoại đầu “chữ Vô”, trải qua thời gian lâu, một hôm thuyền chạm vào bờ phát ra tiếng, bỗng nhiên sư tỉnh ngộ, Hòa thượng Châu vui mừng phó chúc rằng: “Nên khéo giữ gìn”. Sau khi ngài Bảo Châu thị tịch, sư trụ ở Giác Hoàng, một hôm bị bệnh, mộng thấy quan công trao thuốc uống mà hết bệnh. Đại chúng đến thất của sư, sư ung dung nói rằng:

*Viên tông không hình tượng  
Mãn giáo khó suy lường!*

Người thể hội được ý chỉ này thì núi non cũng dễ dời; kẻ trái tông này thì mây may cũng khó vào”. Đại chúng lễ tạ rồi lui ra. Một hôm sư mộng thấy ngọc cung Bảo Thọ và Di-đà Tam Thánh, vừa lễ bái thì một

vị Sa-di đứng bên cạnh trao cho sư một tấm thẻ có viết: “Giới hương huân tu, ngộ trung phẩm vãng sinh chi tượng”.

Tháng tám năm Đinh Hợi, niên hiệu Vạn Lịch, sư được Từ Thánh Thái hậu ban cho kim tử y để tỏ lòng ân sủng.

Ngày hai mươi chín tháng giêng năm Mậu Tý, sư bảo đại chúng rằng:

- Duyên ở Tịnh độ của ta đã thành thực, thánh cảnh đã thâm hiện, cõi thế gian này chắc chắn chẳng thể ở lại lâu!”. Đến tối sư từ biệt chúng rồi thị tịch. Trà-tỳ thu được xá-lợi đỏ, trắng và xanh, hương thơm ngào ngạt. Sư thọ năm mươi bảy tuổi, ba mươi bảy hạ lạc, tháp thờ lập ở suối Trung Văn phía Tây chùa.

Tây Phương Hợp Luận do Trung Lang Viên Hoàng Đạo soạn, phân làm mười môn là: Sát độ môn, Duyên khởi môn, Bộ loại môn, Giáo tướng môn, Luận lý môn, Xứng tánh môn, Vãng sinh môn, Kiến võng môn, Tu trì môn, Thích dị môn. Trung Lang soạn thuật rất nhiều, luận này là căn bản của việc vãng sinh.

Em của Trung Lang là Tiểu Tu Trung Đạo chuyên tu tập tịnh nghiệp. Trung Lang qua đời trước Tiểu Tu; sau Tiểu Tu qua đời thấy Trung Lang đến, mới cho rằng đã vãng sinh Tịnh độ, nay đến rước mình về nơi ấy. Tiểu Tu hỏi rằng:

- Vì sao anh được vãng sinh?

- Vì tôi có công soạn Tây Phương Hợp Luận mà được sinh về nơi ấy.

Tiểu Tu lại hỏi đến các việc khác, nhưng Trung Lang đáp rất ít lời, chỉ nói Vũ Lâm Ngu Thuần Hy vì soạn Tịnh độ Thi mà được vãng sinh.

Năm Canh Tý, niên hiệu Vạn Lịch hai mươi tám, Thông Chánh Thấm Tử Mộc tấu rằng: “Nhà thờ Kiến Văn Đế không có được một chén cơm, tẻ bạc đồng với dân thường, đối với nghĩa thì quá nhẫn tâm, hoặc thờ cúng vật thực ở Cao miếu, một bên ý văn”.

Phật Pháp Kim Thang Biên (lục) do Châu Cư Sĩ Xích Thủy Đồ Long soạn, nội dung là phát minh lý sâu xa của Thánh giáo đồng thời nêu lên các bậc anh tài trong tăng sĩ đương thời. Kim Thành và Thang Trì là vật để bảo vệ vòng ngoài nghiêm ngặt.

Tịnh Độ Tư Lương do Đồng Hương Cư Sĩ Trang Quảng Hoàn soạn gồm sáu quyển. Quảng Hoàn tự là Phục Chân, ông tham lễ ngài Vân Thê, rồi tuyển chọn thâu thập những điều cốt yếu trong kinh điển và trong các ngữ cú của các bậc Tăng tục thuộc Liên tông soạn thành sách

này, mục đích ra sức khuyên người tu tập, làm tư lương cho việc vãng sinh Tịnh độ.

Diệu Phong Thiền sư húy là Chân, đệ tử nổi pháp của ngài Thiên Tông, hiệu là Bách Tông. Sư trùng hưng học thuyết Tam quán thập thừa của Thiên Thai; xiển minh tông yếu Tánh Cụ Lý Cụ, phán định Lăng Nghiêm thuộc về giáo Phương Đẳng thật tướng. Sư có soạn Bách Vấn lưu hành ở đời.

Nguyệt Xuyên Pháp sư húy Châu Trừng, trụ nơi Ngũ Đài sơn, Sư đến Kinh đô hoàng hóa, có các tác phẩm Lăng-nghiêm Chánh quán số, Vĩnh gia tập chú lưu hành ở đời.

Đại Hữu Thiền sư tên là Thật, hiệu là Tế Am, người ở Tân Trịnh. Đầu tiên sư đến núi Phục ngưu tham yết ngài Cổ Tâm, kế đó đến tham học nơi ngài Thiên Kỳ và được phó pháp. Sư có nói kệ rằng:

*Pháp thân vốn không tướng  
Chân tánh xưa nay không  
Biết được tin tức này  
Trong ngoài lộ gia phong.*

Diệu Hữu Thiền sư tên là Trí Không, họ Cát, quê Vân Nam. Sư trụ ở Thương sơn, tham yết ngài Vạn Tông, được thọ ký; kế đến sư trụ ở Thiên Giới, Siêu Giới. Từ Thái sư thỉnh sư trụ Từ sơn. Sư đã khế ngộ được đạo trực chỉ, niệm niệm đều lấy chỗ Tịnh độ làm chỗ về.

Di Am Thiền sư tên Như Thông, tự xưng là Lô Giang Lão Tẩu. Đầu tiên sư tham yết ngài Vạn Tông để quyết trạch tâm yếu. Các danh sát ở vùng Ngô Việt nhờ sư mà hưng khởi. Sau sư đến chùa Quốc Thanh ở Thiên thai thuyết kệ rồi thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi.

Tuệ Quảng Thiền sư húy Châu Duyên, nhân thấy được Như Lai thân vàng một tượng sáu ở chùa Dục Vương, sư cảm kích đốt thân, bỗng nhiên trên đỉnh hiện hóa Phật và nhiều điều linh ứng kỳ lạ.

Tử Bá Đại sư húy Tăng Khả, hiệu Đạt Quán, người Ngô Giang, họ Thẩm. Lúc nhỏ sư đã có chí khí gánh vác việc người, lớn lên sư lễ ngài Hồ Khâu Tuệ Luân cầu xuất gia, rồi đến Thanh lương, Yên kinh, dựng lập pháp tràng. Sau sư bị vu cáo mà phạm tội chết, có Tử Bá Lão Nhân tập lưu hành ở đời.

Tuyết Lăng Pháp sư, sư là người phát kiến việc giảng kinh điển theo chánh văn, không lệ thuộc vào chú số, được danh sĩ đương thời kính trọng. Sư có để lại Tuyết Lăng tập.

Thiệu Giác Pháp sư húy Quảng Thừa, sư trụ ở Liên am xiển dương tánh tướng học, khai phát cho các hậu học hiền tài.

Vô Huyền Thiên sư húy Tánh Xung, đặc pháp nơi Vô Thủ Lão Nhân, có lưu lại ngự lục ở đời.

Nhất Tâm Thiên sư trụ tại núi Long Trì, Nghi Hưng, xiển dương Thiên tông, tiếp dẫn hậu học.

Nghi Phong Thiên sư húy là Phương Thoán, người Quỷ châu, Sư tham yết ngài Kim Am, rồi nương học nơi ngài Biện Dung mà các mối nghi đều tiêu trừ. Sư làm bài tụng rằng:

*Tam huyền, tam yếu chẳng do đâu  
Nghĩ suy cùng tận chẳng thể cầu  
Trước cửa bước đi ngang qua bếp  
Mây trắng núi xanh thấy gặt đầu.*

Cô Nguyệt Thiên sư tên là Tịnh Trừng, họ Trương, người Yên kinh. Đầu tiên sư tham yết Nguyệt Khê lão nhân, được khai thị mà tỉnh ngộ. Sau sư nghe tiếng tre nổ mà hoát nhiên tâm được rộng rang, bèn đến ngài Vân Cốc cầu kiến và được trao cho y pháp. Sư làm thơ rằng:

*Nghèo ở núi rừng ý thành thơi.  
Giường trúc giấc ngon đá gối đầu  
Thế ngoại sinh nhai tùy phận đủ  
Đều do hông ngực chứ không cầu.*

Sư có để lại Thanh Lương lục lưu hành ở đời.

Vân Thê Đại sư húy Châu Hoằng, tự Phật Tuệ, hiệu Liên Trì, họ Thẩm, một thế tộc danh gia ở Hàng châu. Đầu tiên sư là một Nho sinh, đến năm hơn ba mươi tuổi, sư mới lễ Hòa thượng Tánh Thiên cầu xuất gia. Kế đó sư du phương tham học trong nhiều năm, nắm đủ các gian khổ, rồi lại trở về Vân Thê ở Hàng châu, lập chùa tập chúng đồng trụ, chuyên tu Tịnh độ đạo màu, chấn chỉnh nghi quỹ yết-ma. Sư trụ thế tám mươi một năm, soạn ba mươi hai bộ sách, danh tiếng vang khắp nơi, đại pháp trải cùng chốn, thật là bậc thiện tri thức của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, là đại Hòa thượng của Thiên Giáo Luật. Khi còn sống thì phước duyên sâu rộng, lúc xả thế thì ân đức nhuần thấm đến vô cùng.

Sư thị tịch vào năm Ất Mão.

Nạp Xuyên Pháp sư tên là Châu Hải, biệt hiệu Học Đình, người Ninh Hải, đặc pháp nơi Hòa thượng Thiên Tông. Sư giảng thuyết ở các chùa lớn như Thiên Thai, Thái Bình, Tiên Cư và Tư Phước ở Biện sơn. Năm bảy mươi ba tuổi, một hôm sư nói kệ từ biệt đại chúng xong thì thị tịch.

Thọ Xương Thiên sư tên là Tuệ Kinh, tự Vô Minh, nhân xem kinh Kim Cang mà phát tâm tỉnh tu hai mươi bốn năm, sau sư tham yết Hòa

thượng Thụy Phong, thừa hởi có khế hợp. Sư trụ Thọ Xương. Năm bảy mươi một tuổi, một hôm sư viết bốn chữ “Kim Nhật Phân Minh” lớn để chỉ thị cho đại chúng rồi thị tịch.

Năm Đinh Ty niên hiệu Vạn Lịch mười lăm, đế ban chiếu lập Long Hoa đại hội ở núi Ngũ Đài, ban cho một ngàn hai trăm năm mươi bộ tích tượng, y bát, xiển dương rộng lớn tông phong, liên tiếp ba năm ba lần như thế. Bấy giờ do hai ngài Cổ Tâm và Thừa Phương trụ trì.

Hám Sơn Đại sư húy Đức Thanh, khôi phục hàng Na-la-diên, trùng hưng đạo tràng Tào Khê. Sư có soạn Lăng-nghiêm Thông Nghĩa, Pháp Hoa Thông Nghĩa, Lăng-già ký, Viên Giác Giải, Kim Cang Quyết Nghi, Đạo Đức Kinh Chú, Nam Hoa Kinh Chú... lưu hành thế gian.

Giới Sơn Pháp sư húy là Truyền Như, họ Cố, người Hải Diêm, đắc pháp nơi ngài Diệu Phong. Sư có các tác phẩm Lăng Nghiêm Tiệt Lưu, Pháp Hoa Trử Hải, Đạo Đức Phương Tiếu, Trang Sâm... lưu hành ở đời.

Huyền Cư Pháp sư húy là Châu Giới, hiệu Duyệt Đường, là cao đồ của ngài Thiên Tông. Sư trụ tại am Truyền y ở Kính Sơn. Sư có soạn các tác phẩm: Lăng Nghiêm Toản Chú, Khởi Tín Chú, Kim Cang Trực Giải, Nhân Minh Duyên Duyên... Sư thường thuyết pháp tại chùa Viên Chứng ở Thành sơn.

- Tây Phương Chỉ Quy do Cư sĩ Lục Điền Nhất Niệm soạn.

- Pháp Hỷ Chỉ do Băng Liên Đạo Nhân soạn.

- Pháp Giới An Lập Đồ do Yên Sơn Bối Lâm húy là Châu Giám soạn.

- Pháp Hoa Tri Âm do Pháp sư Ấn Phát soạn.

- Pháp Hoa Đại Khoản do Pháp sư Nhất Vũ soạn.

- Lăng-Nghiêm Trực Giải do Pháp sư Nhân An soạn.

- Lăng-Nghiêm Hợp Triệt do Pháp sư Nhất Vũ soạn.

- Lăng-Nghiêm Viên Thông số do Pháp sư Vô Tận húy Truyền Đăng soạn.

Tháng bảy năm Canh Thân, niên hiệu Vạn Lịch thứ bốn mươi tám, Đế bệnh, đến ngày hai mươi một thì băng hà ở cung Càn Thanh. Mồng một tháng tám Hoàng Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Xương thứ nhất. Quang Tông Trinh Hoàng đế là con trưởng của Thần Tông do Vương Quý Phi sinh vào năm Nhâm Ngọ, đến ngày mười tháng mười năm Tân Sửu được lập làm Hoàng Thái tử. Khi Thần Tông băng hà, ngày mồng một tháng tám ông lên ngôi, tại vị một tháng, đặt niên hiệu Vĩnh Xương, thọ ba mươi chín tuổi. Tôn hiệu là: Sùng Thiên Khế Đạo Anh Duệ Cung Thuần Hiếu Văn Cảnh Võ Uyên Nhân Ý Hiếu



Trinh Hoàng Đế, miếu hiệu Quang Tông, an táng ở Khánh lăng.

Mồng một tháng tám năm Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Xương thứ nhất, Hoàng Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ. Ngày một tháng chín, Đế băng hà ở cung Càn Thanh, ngày sáu tháng chín hoàng thái tử lên kế vị.

Hi Tông Triết Hoàng đế là con trưởng của Quang Tông do Vương Tài Nhân sinh. Năm mười lăm tuổi, Quang Tông băng hà, ông lên Đế vị, tại ngôi bảy năm, thọ hai mươi hai tuổi. Tôn hiệu là Đạt Thiên Diển Đạo Đôn Hiếu Đốc Hữu Chương Văn Tượng Vô Đoan Tĩnh Mục Trang Triết Hoàng đế, miếu hiệu Hy Tông, an táng ở Đức lăng.

Tháng hai năm Tân Dậu, Thiên Khải Nguyên niên, hai bên mặt trời có tai giống như mặt trăng, dài như vòng ngọc, lớn khắp cả bầu trời. Tháng mười hai, trên mặt trời mờ mờ có một vật cũng lớn bằng mặt trời ép sát vào mặt trời.

Trạm Thiên Hòa thượng trụ ở Vân Môn, truyền tông Tào Động, phục hưng các ngôi chùa cổ, đắp đê ngăn biển. Sư có Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Nga Hồ Thiền sư húy Quảng Tâm, hiệu Dưỡng Am. Sư từng tham lễ ngài Thúc Phong, ngài Biện Dung, sau cùng đắc pháp nơi ngài Vân Thê.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Thiên Khải thứ bảy. Hoàng Bá Vô Niệm húy là Thâm Hữu, hiệu Tây Ảnh. Sư từng tham lễ ngài Đại Hư... lúc sắp thị tịch, sư có nói bài kệ rằng:

*Hơn bốn mươi năm nào trụ công Đền đi cùng khắp  
chẳng tích tông Mà nay rốt ráo không nơi gá  
Mới ngộ từ xưa lầm dụng công.*

Ngày hai mươi tháng bảy năm Đinh Mão, niên hiệu Thiên Khải thứ bảy, sư thị tịch, có Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Tổng cộng một trăm năm mươi vị.

Bắt đầu từ năm Giáp Tý đời Thế Tổ nhà Nguyên đến đây là năm Đinh Mão, niên hiệu Thiên Khải đời Hy Tông nhà Minh, tổng cộng là ba trăm sáu mươi bốn năm, ghi chép hơn bốn trăm ba mươi vị Tăng.

Thích Văn tự thuật xong, kính ghi!